

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 06**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **41**

Giờ thi: **07:30** Số bài thi: **41**

Phòng thi: **D6-32** Số tờ giấy thi: **41**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **41**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **41**

Phòng thi: **D7-38** Số tờ giấy thi: **41**

Mã nhận dạng: **002543**

Trang : 1/3

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Xuân Lưu</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>ĐN Thủy Dung</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết <i>Nguyễn Xuân Lưu</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết <i>ĐN Thủy Dung</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp <i>Nguyễn Xuân Lưu</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp <i>ĐN Thủy Dung</i>
--	---	---	--	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122200025	NGUYỄN THỊ DIỆU BĂNG	25/04/2004	CCQ2220A	359	<i>Bang</i> 69	<i>Bang</i> 27	48	7.1	57	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122200006	HUỖNH BẢO CHÂU	11/03/2004	CCQ2220A	486	<i>Chau</i> 69	<i>Chau</i> 46	58	8.3	68	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122200067	NGUYỄN HỮU CHIẾN	27/10/2004	CCQ2220B	135	<i>Chien</i> 63	<i>Chien</i> 49	56	6.9	61	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122200068	BÙI ĐỨC DŨNG	02/01/2004	CCQ2220B	208	<i>Dung</i> 73	<i>Dung</i> 41	57	6.5	60	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122200017	LÊ THỊ NGỌC DUYÊN	21/05/2004	CCQ2220A	359	<i>Duyen</i> 53	<i>Duyen</i> 46	50	6.3	55	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122200058	ĐOÀN THỊ THÙY DƯƠNG	30/10/2002	CCQ2220B	486	<i>Duong</i> 81	<i>Duong</i> 79	80	9.1	84	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122200059	NGUYỄN THỊ MỸ ĐÀO	13/07/2004	CCQ2220B	135	<i>Dao</i> 68	<i>Dao</i> 30	49	8.1	62	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122200023	ĐỖ THỊ THU HẰNG	01/05/2004	CCQ2220A	208	<i>Hung</i> 77	<i>Hung</i> 51	64	6.5	64	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122200024	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HẰNG	14/10/2004	CCQ2220A	135	<i>Hung</i> 69	<i>Hung</i> 60	65	7.8	70	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121050004	LÂM THANH HIỀN	21/09/2003	CCQ2105A							V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122200054	TRẦN NGỌC HOÀNG	15/03/2004	CCQ2220B					5.5		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122200055	NGUYỄN THỊ KIM HUỆ	31/10/2004	CCQ2220B	208	<i>Hue</i> 68	<i>Hue</i> 0	34	8.2	53	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122200028	LÊ THỊ KHÁNH	27/07/2004	CCQ2220A	208	<i>Khánh</i> 44	<i>Khánh</i> 62	53	6.6	58	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122200029	PHAN THỊ KIM LÀI	13/06/2004	CCQ2220A	359	<i>Lai</i> 43	<i>Lai</i> 41	42	6.3	50	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122200007	NGUYỄN THỊ HOÀI LAM	03/11/2004	CCQ2220A	208	<i>Lam</i> 68	<i>Lam</i> 22	45	8.2	60	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122200036	NGUYỄN THỊ MINH LƯ	09/03/2004	CCQ2220B	359	<i>Lu</i> 70	<i>Lu</i> 61	66	8.1	72	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122200004	HÀ THỊ TRÚC LY	30/05/2003	CCQ2220A	486	<i>Truc</i> 83	<i>Truc</i> 55	69	8.3	75	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122200063	HUỖNH THỊ QUỲNH NGA	22/12/2004	CCQ2220B	359	<i>Nga</i> 46	<i>Nga</i> 0	23	6.4	39	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122200011	LÊ THỊ TUYẾT NGÂN	16/02/2003	CCQ2220A	486	<i>Nga</i> 84	<i>Nga</i> 68	76	10.0	86	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122200026	TRẦN THỊ ÁNH NGUYỄN	26/09/2004	CCQ2220A	359	<i>Anh</i> 65	<i>Anh</i> 19	42	7.7	56	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 22/12/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 06**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **41**

Giờ thi: **07:30** Số bài thi: **41**

Phòng thi: **D6-32** Số tờ giấy thi: **41**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **.....**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **.....**

Phòng thi: **D7-38** Số tờ giấy thi: **.....**

Mã nhận dạng: **002543**

Trang : 2/3

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122200005	TRẦN THỊ NHÀN	12/01/2003	CCQ2220A	135	Nhan 81	Nhan 58	70	8.9	77	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2122200053	ĐẶNG NGUYỄN XUÂN	05/02/2004	CCQ2220B	486	Đặng 81	Đặng 56	66	7.9	71	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2122200016	LÊ NGUYỄN UYÊN	31/10/2004	CCQ2220A	135	Lê 64	Lê 41	53	7.1	60	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2122240044	TRẦN THỊ HOÀI	09/02/2004	CCQ2220A	486	Trần 51	Trần 22	37	7.2	51	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2122200050	TRƯƠNG Ý	01/07/2004	CCQ2220B	359	Trương 73	Trương 81	77	9.1	83	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2122200045	TRẦN THỊ LAN	28/09/2004	CCQ2220B	486	Trần 54	Trần 41	48	7.6	59	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2122200032	NGUYỄN ANH	14/11/2004	CCQ2220A							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2122200020	LÊ MINH	27/04/2004	CCQ2220A	486	Thạch 72	Thạch 49	61	8.6	71	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2122200008	TRẦN THỊ LÊ	17/01/2004	CCQ2220A	359	Thâm 51	Thâm 46	49	7.6	59	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2122200051	LÊ THỊ MỸ	17/06/2004	CCQ2220B	135	Thị 69	Thị 67	68	8.4	74	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2122200064	NGUYỄN THỊ THANH	05/09/2004	CCQ2220B	486	Thị 59	Thị 59	59	7.2	64	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2122200060	NGUYỄN THỊ KIM	05/03/2004	CCQ2220B	135	Thoa 57	Thoa 62	60	7.2	65	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2122200193	HOÀNG THỊ YẾN	23/10/2004	CCQ2220A	486	Thư 72	Thư 72	72	7.6	74	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2122200043	PHAN ANH	23/04/2004	CCQ2220B	135	Thư 50	Thư 38	44	6.4	52	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
35	2122200037	VÕ THỊ ANH	21/08/2004	CCQ2220B	208	Thư 59	Thư 32	46	6.4	53	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	2122200048	NGUYỄN THỊ THÙY	07/11/2003	CCQ2220B	135	Tiến 85	Tiến 52	69	9.8	80	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
37	2122200049	LÝ THỊ NHƯ	29/08/2004	CCQ2220B	208	Tinh 87	Tinh 78	83	7.7	80	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
38	2122200040	NGUYỄN THƯ	01/02/2004	CCQ2220B	208	Tinh 84	Tinh 83	84	8.7	85	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
39	2122200057	TRẦN TRƯỜNG ĐOAN	18/08/2004	CCQ2220B	359	Trang 58	Trang 58	58	7.9	66	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
40	2122200047	CHÂU NGỌC	05/02/2003	CCQ2220B	208	Trang 77	Trang 67	72	8.5	77	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 06**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **41**

Giờ thi: **07:30** Số bài thi: **41**

Phòng thi: **D6-32** Số tờ giấy thi: **41**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **41**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **41**

Phòng thi: **D7-38** Số tờ giấy thi: **41**

Mã nhận dạng: **002543**

Trang : 3/3

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Xuân Lâm</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>ĐINH THUY KHUÊ</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết <i>Nguyễn Xuân Lâm</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết <i>Nguyễn Xuân Lâm</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp <i>Nguyễn Xuân Lâm</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp <i>Nguyễn Xuân Lâm</i>
--	---	---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2122200197	CAO THỊ THANH TUYÊN	16/05/2004	CCQ2220B	135	Tuyen	64	Tuyen	58	61	8.1	69	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	2122120234	LÊ THỊ LỆ VĂN	14/05/2004	CCQ2220A	208	Van	68	Van	33	51	7.7	61	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	2122200196	TRẦN NGUYỄN THUỖ VY	06/08/2004	CCQ2220B	359	Vy	72	Vy	48	60	7.5	66	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	2122200035	TRẦN THANH XUÂN	21/08/2003	CCQ2220B	359	Xuan	96	Xuan	80	88	9.1	89	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Đ: 33
H: 0

C. Châu

41

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Mã nhận dạng: 002545

Trang : 1/2

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 07**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **33**

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **35**

Giờ thi: **07:30** Số bài thi: **33**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **35**

Phòng thi: **D6-33** Số tờ giấy thi: **33**

Phòng thi: **HT3** Số tờ giấy thi: **35**

Cán bộ coi thi 1 <i>Thạch Ngọc Trân</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Trần Thị Kiên Quỳnh</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết <i>Ngô Anh</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết <i>NN Châu</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp <i>P.V. M.</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp <i>Trần P. Thảo</i>
--	--	--	--	---	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Viết (50%) Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	V.đáp (50%) Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122200076	NGUYỄN LÂM KHẢ	DI	09/07/2004	CCQ2220C	359	Kh	96	86	91	94	92	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122200110	LƯƠNG THỊ	DIỆU	03/09/2004	CCQ2220D	486	duc	81	69	75	92	82	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122200092	TRẦN VÕ XUÂN	DIỆU	25/04/2004	CCQ2220C	359	Duc	77	79	78	88	82	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122200088	HUỖNH THỊ BÍCH	DUYÊN	09/10/2004	CCQ2220C	486	Duyen	61	80	71	86	77	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122200087	NGUYỄN THỊ HỒNG	DUYÊN	29/08/2004	CCQ2220C	359	Duyen	49	35	42	82	58	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122200084	VÕ XUÂN	ĐÔNG	20/06/2004	CCQ2220C	486	dong	87	72	80	81	80	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122120078	PHẠM KIỀU	GIANG	10/03/2004	CCQ2220C	359	Kieu	64	75	70	85	76	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122200094	NGUYỄN THỊ MINH	HẠNH	19/09/2004	CCQ2220C	486	Minh	75	92	84	87	85	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122200130	PHAN AN	HÒA	01/01/2004	CCQ2220D	308	An	47	33	40	71	53	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122200203	TÔ THỊ THU	HƯƠNG	22/12/2003	CCQ2220D	135	Huong	76	76	76	88	81	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122200129	NGÔ HOÀNG GIA	KHANG	30/10/2004	CCQ2220D	208	Gia	71	59	65	85	73	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122200125	VÕ VĂN	KHANG	26/02/2001	CCQ2220D	135	Van	61	65	63	77	69	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122200128	HUỖNH THỊ XA	LAM	22/06/2004	CCQ2220D	208	Xa	55	84	70	86	76	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122200131	TRỊNH HỒNG	LAM	21/02/2004	CCQ2220D								V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122200075	LÊ THỊ KIM	LOAN	26/11/2003	CCQ2220C	135	Loan	61	90	76	53	67	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122200077	NGUYỄN THỊ HOÀI	LY	27/04/2004	CCQ2220C	208	Hai	73	86	80	85	82	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122200201	TRẦN LÝ CAO	MINH	09/10/2002	CCQ2220D	359	Ca	41	50	46	59	51	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122200200	LÊ THỊ KIỀU	MY	25/02/2004	CCQ2220C	486	Kieu	74	88	81	90	84	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122200106	NGUYỄN LÊ TRÀ	MY	02/01/2002	CCQ2220D								V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122110199	NGUYỄN THANH	MỸ	05/06/2004	CCQ2227D	486	Thanh	68	50	59	67	62	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Mã nhận dạng: 002545

Trang : 2/2

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 07**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **33** Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **33**

Giờ thi: **07:30** Số bài thi: **33** Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **.....**

Phòng thi: **D6-33** Số tờ giấy thi: **33** Phòng thi: **HT3** Số tờ giấy thi: **.....**

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Trần Thực</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Trần Thị Kiều Quỳnh</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết <i>Nguyễn Văn Nhân</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết <i>Nguyễn Văn Nhân</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp <i>P.V. M.</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp <i>Trần T. Thảo</i>
---	--	---	---	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122200086	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	06/02/2004	CCQ2220C	359 Ngân 69	Ngân 94	82	86	83	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122270145	TRẦN MINH	NHÂN	20/02/2004	CCQ2227D	486 Trần 64	Trần 74	69	61	66	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122200114	NGUYỄN TUYẾT	NHI	29/04/2004	CCQ2220D	359 Nhi 25	Nhi 65	45	80	59	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122200119	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	26/11/2003	CCQ2220D	486 Cẩm 72	Cẩm 75	74	91	80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122200120	VÕ THỊ	QUYÊN	03/08/2004	CCQ2220D	208 Quynh 55	Quynh 76	66	88	75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122200124	PHAN THỊ NHƯ	QUỲNH	01/05/2004	CCQ2220D	135 Quynh 70	Quynh 61	66	85	73	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122200116	PHẠM THỊ TUYẾT	SÂM	06/06/2004	CCQ2220D	208 TS 72	TS 85	79	85	81	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122200083	TRẦN THỊ THANH	TÂM	20/07/2004	CCQ2220C	135 Tâm 48	Tâm 63	56	80	65	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2122200099	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẢO	06/08/2004	CCQ2220C	208 Thảo 66	Thảo 89	78	80	78	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2122200132	TRẦN ANH	THƯ	18/11/2004	CCQ2220D						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2122270146	TRẦN NGUYỄN ANH	THƯ	05/08/2004	CCQ2227D	208 Thư 83	Thư 95	89	86	88	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2122200134	LÊ THỊ THU	THƯỜNG	28/04/2004	CCQ2220D	135 Thu 86	Thu 97	92	92	92	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2122270147	VÕ BẢO	TOÀN	25/07/2004	CCQ2227D	486 Toàn 96	Toàn 100	98	92	96	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2122200081	HUỲNH NGUYỄN BẢO	TRANG	19/06/2004	CCQ2220C	135 Trang 84	Trang 94	89	91	90	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2122200117	VÕ THỊ HUYỀN	TRANG	25/05/1995	CCQ2220D						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2122200101	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	08/01/2004	CCQ2220C	359 Huyền 62	Huyền 65	64	83	71	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2122200133	ĐẶNG PHƯƠNG	UYÊN	06/09/2004	CCQ2220D						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2122200198	NGUYỄN THỊ KIỀU	VY	23/03/2004	CCQ2220C	208 Kiều 66	Kiều 80	73	81	76	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 08**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **09/01/2022** Số SV có mặt: **44**

Giờ thi: **07:30** Số bài thi: **44**

Phòng thi: **D6-35** Số tờ giấy thi: **44**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **11/01/2022** Số SV có mặt: **43**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **43**

Phòng thi: **D7-39** Số tờ giấy thi: **43**

Mã nhận dạng: 002547

Trang : 1/3

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
<i>Trần Thị Ngọc</i>	<i>Trần Thị Ngọc</i>	<i>Trần Thị Ngọc</i>	<i>Trần Thị Ngọc</i>	<i>Trần Thị Ngọc</i>	<i>Trần Thị Ngọc</i>
<i>Đào Thị Diệu</i>	<i>Đào Thị Diệu</i>	<i>Đào Thị Diệu</i>	<i>Đào Thị Diệu</i>	<i>Đào Thị Diệu</i>	<i>Đào Thị Diệu</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122200154	NGUYỄN NGUYỄN AN	06/03/2004	CCQ2220E	359	<i>An</i>	4.9	<i>An</i>	5.5	5.2	7.2	6.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122240049	LÊNG NGỌC BỘI	06/06/2004	CCQ2220F	486	<i>Bội</i>	5.9	<i>Bội</i>	6.2	6.1	4.1	5.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2122200208	PHAN NGUYỄN HỮU CẨM	21/05/2004	CCQ2220E	135	<i>Cẩm</i>	3.9	<i>Cẩm</i>	6.3	5.1	4.5	4.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
4	2122130001	PHẠM THỊ YẾN	20/05/2004	CCQ2220F	208	<i>Yến</i>	8.7	<i>Yến</i>	8.6	8.7	7.6	8.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122200189	NGUYỄN THANH ĐA	04/02/2004	CCQ2220F	359	<i>Đa</i>	3.6	<i>Đa</i>	6.4	5.0	3.9	4.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122200148	VŨ THỊ THANH ĐÀO	19/10/2004	CCQ2220E	486	<i>Đào</i>	8.2	<i>Đào</i>	7.4	7.8	6.4	7.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122200204	NGUYỄN KIM ĐỒNG	31/08/2004	CCQ2220E	135	<i>Đồng</i>	6.7	<i>Đồng</i>	5.5	6.1	5.4	5.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122240051	NGUYỄN MỸ HẠNH	02/08/2004	CCQ2220F	208	<i>Hạnh</i>	7.8	<i>Hạnh</i>	6.4	7.1	6.8	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122200210	THÁI GIA HUY	18/05/2004	CCQ2220E	359	<i>Huy</i>	9.4	<i>Huy</i>	8.1	8.8	7.8	8.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122200186	PHẠM THỊ THANH HƯỜNG	03/02/2004	CCQ2220F	486	<i>Hường</i>	5.9	<i>Hường</i>	6.2	6.1	5.5	5.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
11	2122200177	ĐÀNG LÝ THIÊN KIM	20/02/2004	CCQ2220F	135	<i>Thiên Kim</i>	7.6	<i>Thiên Kim</i>	8.9	8.3	7.0	7.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
12	2122200209	HỒ NGỌC BẢO LIÊU	06/03/2004	CCQ2220E	208	<i>Liêu</i>	8.0	<i>Liêu</i>	8.2	8.1	6.2	7.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122200187	BÙI THỊ THÙY LINH	09/09/2004	CCQ2220F	359	<i>Thùy Linh</i>	5.9	<i>Thùy Linh</i>	7.7	6.8	7.0	6.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
14	2122200220	LÊ THỊ THÙY LINH	05/11/2004	CCQ2220F	486	<i>Thùy Linh</i>	8.1	<i>Thùy Linh</i>	8.5	8.3	6.0	7.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122200142	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	03/03/2004	CCQ2220E	135	<i>Thị Ngọc</i>	7.6	<i>Thị Ngọc</i>	5.5	6.6	8.0	7.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122200179	PHAN HUỲNH THANH LOAN	15/07/2004	CCQ2220F	208	<i>Thanh Loan</i>	6.5	<i>Thanh Loan</i>	7.2	6.9	5.9	6.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122200159	HỒ KIM LỘC	20/12/2003	CCQ2220E	359	<i>Kim Lộc</i>	5.4	<i>Kim Lộc</i>	3.3	4.4	3.7	4.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122190015	PHẠM YẾN LY	01/01/2004	CCQ2220E	486	<i>Yến Ly</i>	4.0	<i>Yến Ly</i>	7.4	5.7	8.6	6.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
19	2122200149	NGUYỄN THỊ MÙI	27/06/2004	CCQ2220E	135	<i>Mùi</i>	7.1	<i>Mùi</i>	6.4	6.8	8.2	7.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122200144	NGUYỄN THỊ THÙY MY	12/07/2004	CCQ2220E	486	<i>Thùy My</i>	7.1	<i>Thùy My</i>	4.6	5.9	5.0	5.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 08**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **44**

Giờ thi: **07:30** Số bài thi: **44**

Phòng thi: **D6-35** Số tờ giấy thi: **44**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **43**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **.....**

Phòng thi: **D7-39** Số tờ giấy thi: **.....**

Mã nhận dạng: **002547**

Trang : 2/3

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
<i>Minh</i>	<i>Minh</i>	<i>Trang</i>	<i>Trang</i>	<i>Trang</i>	<i>Trang</i>
<i>thủy nãi thủy</i>	<i>Đào Thị Diệu</i>	<i>Đ.T.T.H</i>	<i>T.T.Á. Hưng</i>	<i>N.T. Chấn</i>	<i>Đ.T.T.H</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122200176	NGUYỄN THỊ KIM	23/08/2004	CCQ2220F	359	<i>Minh</i> 5.9	<i>Minh</i> 6.4	6.2	6.0	6.1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2122200205	ĐẶNG THỊ KIM	25/10/2004	CCQ2220E	135	<i>Ngân</i> 5.2	<i>Ngân</i> 6.4	5.8	6.2	6.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2122200183	ĐẶNG THỊ THÙY	06/11/2004	CCQ2220F	135	<i>Ngân</i> 7.4	<i>Ngân</i> 6.3	6.9	7.4	7.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2122200172	NGUYỄN THỊ ÁI	30/12/2004	CCQ2220E	416	<i>Nghĩa</i> 5.8	<i>Nghĩa</i> 6.1	6.0	4.5	5.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2122200185	PHAN THỊ ÁNH	09/06/2004	CCQ2220F	359	<i>Minh</i> 7.6	<i>Minh</i> 7.8	7.7	6.2	7.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2122200178	ĐẶNG YẾN	20/09/2004	CCQ2220F	208	<i>Minh</i> 6.4	<i>Minh</i> 8.2	7.3	8.0	7.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2122200180	NGUYỄN HỒNG	20/03/2004	CCQ2220F	135	<i>Nhung</i> 3.7	<i>Nhung</i> 6.1	4.9	5.4	5.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2122200212	DƯƠNG THỊ HUỲNH	28/09/2004	CCQ2220F	208	<i>Nhung</i> 6.0	<i>Nhung</i> 8.2	7.1	6.8	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2122200161	HOÀNG ĐÌNH THẢO	26/09/2004	CCQ2220E	359	<i>Minh</i> 3.4	<i>Minh</i> 4.6	4.0	3.8	3.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
30	2122200157	ĐỒNG TIẾN	09/09/2004	CCQ2220E							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2122060003	PHẠM MÃN	19/02/2002	CCQ2220F	208	<i>Minh</i> 7.1		0	3.8	1.5	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2122200152	HUỲNH KHẮC	11/03/2004	CCQ2220E	208	<i>Phú</i> 4.6	<i>Phú</i> 4.8	4.7	5.4	5.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2122120099	VÕ LƯU	19/03/2004	CCQ2220F	359	<i>Phước</i> 9.7	<i>Phước</i> 8.4	9.1	6.9	8.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2122200213	NGUYỄN TRÚC	21/08/2004	CCQ2220F	486	<i>Phước</i> 8.0	<i>Phước</i> 7.7	7.9	7.3	7.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
35	2122200155	NGUYỄN TẤN	10/12/2004	CCQ2220E	135	<i>S</i> 6.0	<i>S</i> 7.5	6.8	6.6	6.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
36	2122200207	DƯƠNG THỊ THANH	11/06/2004	CCQ2220E	359	<i>Minh</i> 7.5	<i>Minh</i> 7.5	7.5	8.5	7.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
37	2122200214	NGUYỄN THỊ	23/07/2003	CCQ2220F	486	<i>Phước</i> 6.4	<i>Phước</i> 6.4	6.4	6.2	6.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
38	2122200211	TRẦN THỊ ÚT	13/11/2004	CCQ2220F	435	<i>Thân</i> 4.5	<i>Thân</i> 3.6	4.1	5.8	4.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
39	2122120071	PHẠM THỊ NGỌC	12/01/2004	CCQ2220E							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
40	2122200217	THÂN THỊ	28/04/2001	CCQ2220F	359	<i>Minh</i> 7.0	<i>Minh</i> 7.9	7.5	8.1	7.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 08**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **44**

Giờ thi: **07:30** Số bài thi: **44**

Phòng thi: **D6-35** Số tờ giấy thi: **44**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **43**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **.....**

Phòng thi: **D7-39** Số tờ giấy thi: **.....**

Mã nhận dạng: **002547**

Trang : 3/3

Cán bộ coi thi 1 <i>Minh</i> <i>Nguyễn Thị</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Minh</i> <i>Đào Thị Diệu</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết <i>Trần</i> <i>ĐTTThi</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết <i>Trần</i> <i>T.T.Đ. Hoàng</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp <i>Minh</i> <i>Nguyễn Châu</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp <i>Trần</i> <i>ĐTTThi</i>
--	--	---	---	---	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên											Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân										
41	2122200184	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	26/10/2003	CCQ2220F	486	Minh	34	Minh	71	52	6.1	56	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
42	2122200181	NGUYỄN THỊ LÊ	THY	10/03/2004	CCQ2220F									V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
43	2122200156	NGUYỄN TẤN	TIẾN	10/12/2004	CCQ2220E	208	Minh	70	Minh	81	7.6	7.4	7.5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
44	2122200188	PHAN THỊ	TUYẾT	08/02/2004	CCQ2220F	359	Minh	54	Minh	55	5.5	5.6	5.5	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
45	2122240057	CHÂU THỊ BÍCH	VY	14/04/2004	CCQ2220E	486	Minh	48	Minh	63	5.6	5.9	5.7	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
46	2122120417	VĂN THỊ	VY	29/09/2004	CCQ2220E	135	Minh	44	Minh	50	4.7	5.2	4.9	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
47	2122100036	NGUYỄN PHI	YẾN	23/01/2004	CCQ2220F	208	Minh	57	Minh	75	6.6	5.5	6.2	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 01

Tổ: 001

- Thi Viết:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 09/01/2023 Số SV có mặt: 35

Ngày thi: 09/01/2023 Số SV có mặt: 35

Giờ thi: 07:30

Số bài thi: 35

Giờ thi: 12:30

Số bài thi: 35

Phòng thi: D6-36

Số tờ giấy thi: 35

Phòng thi: D6-32

Số tờ giấy thi: 35

Mã nhận dạng: 002533

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
<i>Trần Ngọc Hào</i>	<i>Nguyễn Hồng Hà</i>	<i>Trần Thị Hương</i>	<i>Trần Thị Hương</i>	<i>Le ST Thoa</i>	<i>Phạm Thị</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122180120	NGUYỄN ĐÌNH CƯỜNG	16/03/2004	CCQ2218LA	35	5.3	35	4.4	8.4	6.0			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122190041	VÕ THỊ LINH	05/10/2004	CCQ2219LA	208	4.6	6.0	5.3	8.0	6.4			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122180106	LÊ MINH DUY	18/10/2004	CCQ2218LA									0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122190122	NGUYỄN THỊ MỸ	26/01/2004	CCQ2219LA	208	7.7	8.6	8.2	8.4	8.3			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122170780	LÊ XUÂN ĐẠT	30/07/2004	CCQ2217LB	135	7.2	5.3	6.3	8.0	7.0			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122180108	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	16/12/2003	CCQ2218LA	208	2.5	4.0	3.3	7.8	5.1			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122190152	TRƯƠNG NGUYỄN HƯƠNG GIANG	21/03/2004	CCQ2219LA	135	9.1	8.6	8.9	9.8	9.3			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122180107	NGUYỄN ANH GÜN	26/07/2003	CCQ2218LA									0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122180087	NGUYỄN VŨ HÀ	08/02/2004	CCQ2218LA	135	5.5	3.8	8.0	5.5				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122190118	HUỖNH VŨ NGỌC HÂN	26/04/2004	CCQ2219LA	208	6.2	4.2	5.2	8.5	6.5			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122170779	PHẠM TẤN HẬU	11/07/2004	CCQ2217LB	186	6.0	6.1	6.8	6.4				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122170777	PHẠM HOÀNG HIỆP	07/03/2004	CCQ2217LB	359	5.5	5.4	7.4	6.2				0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122180112	NGUYỄN HỮU HỘI	16/10/2003	CCQ2218LA	486	5.4	2.0	3.7	5.6	4.5			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122170776	NGUYỄN TUẤN KHẢI	11/01/2004	CCQ2217LB	359	6.6	5.9	6.3	7.5	6.8			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122170775	NGUYỄN DUY KHANG	20/12/2004	CCQ2217LB									0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122180121	NGUYỄN ĐÌNH LAI	14/02/2004	CCQ2218LA	359	5.1	7.0	6.1	9.4	7.4			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122190129	NGUYỄN TRƯƠNG PHƯƠNG LÂM	16/01/1999	CCQ2219LA	486	9.3	9.3	9.3	8.4	8.9			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122190112	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	28/08/2004	CCQ2219LA	359	6.1	1.6	3.9	8.1	5.6			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122180105	HỒNG TUẤN LỘC	01/05/2004	CCQ2218LA	486	3.9	3.3	3.6	7.7	5.1			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122180110	LÊ THANH LUẬN	23/08/2004	CCQ2218LA									0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002533

Trang : 2/2

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 01**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **35**

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **33**

Giờ thi: **07:30** Số bài thi: **35**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **33**

Phòng thi: **D6-36**

Số tờ giấy thi: **35**

Phòng thi: **D6-32**

Số tờ giấy thi: **33**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
Trần Ngọc Hào	Ng. T. Hồng Hà	T.T. Thi Hương	Đ.T.T. Thi	L.T. Thi	P.T. Thi

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122100313	TRẦN HOÀN MỸ	04/09/2004	CCQ2210LA	135	8.0	9.2	8.9	7.7	8.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122180050	VŨ BẮC TRUNG NAM	03/05/2004	CCQ2218LA	135	3.1	3.9	3.5	6.5	4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122190076	NGUYỄN KHÁNH NGUYỄN	10/07/2002	CCQ2219LA	208	7.5	8.3	7.9	8.7	8.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122100376	PHẠM THỊ KIỀU OANH	26/04/2003	CCQ2210LA	135	6.0	5.9	8.4	6.9		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122100297	LÊ PHAN TIẾU PHỤNG	18/05/2004	CCQ2210LA	208	2.8	0	1.4	6.7	3.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122180109	ĐINH HUY PHƯỚC	10/03/2003	CCQ2218LA	135	4.8	1.0	2.9	7.4	4.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122190114	LÊ THÚY NHƯ QUỲNH	21/08/2004	CCQ2219LA	135	8.0	4.8	6.4	9.7	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122100300	NGUYỄN TRƯƠNG TRÚC QUỲNH	21/11/2004	CCQ2210LA	486	7.8	3.9	5.9	8.7	7.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2122170837	DƯƠNG ANH SĨ	14/04/2004	CCQ2217LC	359	7.0	6.0	6.5	6.0	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2122170838	ĐẶNG QUỲ SƠN	06/03/2004	CCQ2217LC	486	8.8	8.8	9.4	9.0		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2122100295	NGUYỄN THỊ KIỀU THANH	24/04/2004	CCQ2210LA	486	7.6	8.2	9.7	8.8		V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2122100001	PHẠM THỊ THỦY	20/04/2000	CCQ2210LA	359	7.4	8.4	7.9	9.9	8.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2122100296	NGUYỄN LÊ ANH THƯ	28/01/2004	CCQ2210LA	486	5.7	7.3	6.5	7.3	6.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2122190086	TRẦN THANH THƯƠNG	02/09/2004	CCQ2219LA	359	7.9	7.3	7.6	9.4	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2122100377	TRẦN THỊ BÍCH TUYỀN	08/07/2003	CCQ2210LA	486	5.0	4.8	4.9	8.6	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2122180104	NGUYỄN NGỌC TƯ	27/11/2003	CCQ2218LA	359	2.4	0	1.2	5.1	2.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2122100298	NGUYỄN MỸ UYÊN	24/08/2004	CCQ2210LA	208	7.8	9.5	8.7	8.9	8.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2122100299	HỒ HOÀNG THẢO VÂN	13/09/2004	CCQ2210LA	208	7.8	4.8	6.3	8.7	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2122190127	DOANH THỊ HẢI YẾN	24/12/2001	CCQ2219LA	135	6.9	7.2	7.1	8.0	7.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 02**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **29**

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **29**

Giờ thi: **07:30**

Số bài thi: **29**

Giờ thi: **14:45**

Số bài thi: **29**

Phòng thi: **D5-28**

Số tờ giấy thi: **29**

Phòng thi: **D7-40**

Số tờ giấy thi: **29**

Mã nhận dạng: 002535

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
27 <i>Lahy</i> <i>Tân Kiên</i>	<i>Nguyễn Hoàng T. Thảo</i>	<i>LT</i>	<i>11 T. Hoàng</i>	<i>Cr. Thuận</i>	<i>Cr. Thuận</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Viết (50%) Điểm	Đ. Thi 60%	Đ. QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122110429	NGUYỄN THÀNH CÔNG	02/01/2004	CCQ2211LA	359	<i>3.1</i>	<i>2.7</i>	<i>2.9</i>	<i>7.2</i>	<i>4.6</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
2	2122110428	NGUYỄN VÕ TẤN DŨNG	06/12/2004	CCQ2211LA	486	<i>5.6</i>	<i>4.4</i>	<i>5.0</i>	<i>7.6</i>	<i>6.0</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
3	2122200170	NGUYỄN LAN ÁNH	11/05/2004	CCQ2220LA	135	<i>8.1</i>	<i>8.4</i>	<i>8.3</i>	<i>9.3</i>	<i>8.7</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
4	2122200168	TRƯƠNG QUỐC ĐAN	05/09/2002	CCQ2220LA	208	<i>6.7</i>	<i>4.4</i>	<i>5.4</i>	<i>6.0</i>	<i>5.6</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
5	2122110430	VÕ THÀNH ĐẠT	21/07/2004	CCQ2211LA	359	<i>3.3</i>	<i>2.6</i>	<i>3.0</i>	<i>6.2</i>	<i>4.3</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
6	2122200165	HỒ TRƯƠNG PHƯỚC ĐIỀN	24/11/2004	CCQ2220LA	486	<i>4.2</i>	<i>2.4</i>	<i>6.0</i>	<i>3.7</i>		<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
7	2122110420	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	22/04/2004	CCQ2211LA	135	<i>6.1</i>	<i>5.2</i>	<i>5.7</i>	<i>7.6</i>	<i>6.5</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
8	2122110556	TRẦN THANH HẢI	02/11/2004	CCQ2211LA	486	<i>8.4</i>	<i>7.7</i>	<i>8.1</i>	<i>9.9</i>	<i>8.8</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
9	2122110421	LÝ MINH HẬU	13/01/2004	CCQ2211LA	359	<i>7.2</i>	<i>5.1</i>	<i>6.2</i>	<i>7.7</i>	<i>6.8</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
10	2122110431	TRẦN THỊ HIỀN	06/01/2004	CCQ2211LA	208	<i>7.3</i>	<i>5.6</i>	<i>6.5</i>	<i>9.1</i>	<i>7.5</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
11	2122110490	TRẦN ANH HIỆU	08/10/2004	CCQ2211LA							<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
12	2122110435	NGUYỄN CÔNG HOÀNG	20/03/2004	CCQ2211LA	186	<i>4.9</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>		<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
13	2122110422	HUỖNH QUỐC HUY	30/03/2004	CCQ2211LA	359	<i>7.5</i>	<i>6.2</i>	<i>6.8</i>	<i>6.5</i>	<i>6.7</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
14	2122200166	NGÔ QUANG HUY	05/09/2004	CCQ2220LA	218	<i>7.4</i>	<i>6.2</i>	<i>6.8</i>	<i>8.4</i>	<i>7.4</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
15	2122040014	NGUYỄN QUANG HUY	04/02/2004	CCQ2211LA	135	<i>6.8</i>	<i>6.5</i>	<i>6.7</i>	<i>7.7</i>	<i>7.2</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
16	2122110424	LÊ TẤN XUÂN KHANG	10/03/2004	CCQ2211LA	208	<i>6.6</i>	<i>6.6</i>	<i>6.6</i>	<i>6.4</i>	<i>6.5</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
17	2122110415	DƯƠNG CÔNG LONG	02/02/2004	CCQ2211LA	359	<i>7.8</i>	<i>7.7</i>	<i>7.8</i>	<i>9.1</i>	<i>8.3</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
18	2122110578	NGUYỄN THẢO LY	26/09/2004	CCQ2211LA							<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
19	2122110432	HỒ TRUNG NHẬT	02/06/2004	CCQ2211LA							<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>
20	2122200097	ĐỖ THỊ YẾN NHI	09/03/2004	CCQ2220LA	208	<i>2.8</i>	<i>6.1</i>	<i>4.5</i>	<i>6.7</i>	<i>5.4</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10</i>	<i>0 1 2 3 4 5 6 7 8 9</i>

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002535

Trang : 2/2

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 02**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **29**

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **.....**

Giờ thi: **07:30**

Số bài thi: **29**

Giờ thi: **14:45**

Số bài thi: **.....**

Phòng thi: **D5-28**

Số tờ giấy thi: **29**

Phòng thi: **D7-40**

Số tờ giấy thi: **.....**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
<i>Le Huy</i> <i>Tân Hòa Nghĩa</i>	<i>Hoàng T. Thanh</i>	<i>Trần Hoàng</i>	<i>Trần Hoàng</i>	<i>Trần Hoàng</i>	<i>Trần Hoàng</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	Viết (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122200225	VÕ SONG NHƯ	26/11/2004	CCQ2220LA	135	<i>Song</i> 7.0	<i>Song</i> 9.7	8.4	9.8	9.0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2122110417	NGUYỄN NGỌC PHI	20/03/2004	CCQ2211LA	208	<i>Phi</i> 8.1	<i>Phi</i> 6.1	7.1	8.7	7.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2122110418	VÕ THỊ HUỲNH PHƯƠNG	02/01/2004	CCQ2211LA	135	<i>Phu</i> 5.9	<i>Phu</i> 6.5	6.2	8.8	7.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2122200167	VÕ THỊ UYÊN PHƯƠNG	28/11/2004	CCQ2220LA							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2122200169	TRẦN LÊ DIỄM QUỲNH	07/09/2004	CCQ2220LA	359	<i>Quynh</i> 7.8	<i>Quynh</i> 8.0	7.9	9.5	8.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2122110423	HOÀNG CÔNG SƠN	05/09/2004	CCQ2211LA	208	<i>Son</i> 4.2	<i>Son</i> 4.4	4.3	6.0	5.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2122110427	NGUYỄN LONG THÌNH	19/02/1994	CCQ2211LA	135	<i>Long</i> 6.5	<i>Long</i> 5.4	6.0	6.6	6.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2122110426	NGUYỄN PHÚ THỊNH	22/04/2004	CCQ2211LA	359	<i>Thinh</i> 7.5	<i>Thinh</i> 8.3	7.9	9.3	8.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
29	2122110425	VÕ TRẦN QUỐC TOÀN	25/10/2004	CCQ2211LA	359	<i>Toan</i> 6.1	<i>Toan</i> 5.1	5.8	7.8	6.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2122200163	DƯƠNG NGUYỄN HUYỀN TRANG	20/07/2003	CCQ2220LA	486	<i>Trang</i> 7.0	<i>Trang</i> 8.0	7.5	7.9	7.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2122110419	NGUYỄN MINH TRÍ	23/09/2004	CCQ2211LA	135	<i>Tri</i> 6.7	<i>Tri</i> 4.9	5.8	6.4	6.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2122240080	NGUYỄN PHONG VINH	23/03/2004	CCQ2211LA	208	<i>Vinh</i> 6.7	<i>Vinh</i> 8.8	6.8	9.3	7.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2122110433	PHẠM QUỐC CHÍ VỸ	31/10/2004	CCQ2211LA	359	<i>Chi</i> 2.8	<i>Chi</i> 4.5	3.7	5.8	4.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 03**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **28**

Giờ thi: **07:30** Số bài thi: **28**

Phòng thi: **D5-29** Số tờ giấy thi: **28**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **28**

Giờ thi: **14:45** Số bài thi: **28**

Phòng thi: **D7-38** Số tờ giấy thi: **28**

Mã nhận dạng: **002537**

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1 <i>Muk</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Vu</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết <i>HT, N. C. H.</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết <i>Vu</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp <i>HT, N. C. H.</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp <i>Ng. H. Văn</i>
--------------------------------	-------------------------------	--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122120427	ĐỖ THỊ MỸ DUYÊN	20/10/2004	CCQ2212LA	208	<i>Duyên</i> 65	<i>Duyên</i> 71,0	68	81	73	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122210156	TRẦN SĨ ĐAN	19/12/2004	CCQ2221LA	135	<i>Đan</i> 61	<i>Đan</i> 4,7	54	78	64	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2122120432	HOÀNG MINH ĐỨC	07/11/2003	CCQ2212LA	476	<i>Đức</i> 75	<i>Đức</i> 71,6	76	91	82	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122260122	NGUYỄN LÊ HÀ GIANG	19/12/2004	CCQ2212LA	359	<i>Giang</i> 67	<i>Giang</i> 71,1	69	89	77	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122120439	NGUYỄN VĂN GIÁP	28/07/2004	CCQ2212LA	208	<i>Giáp</i> 51	<i>Giáp</i> 5,0	51	71	59	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122120438	NÔNG QUANG HÀNH	19/07/2002	CCQ2212LA	135	<i>Hành</i> 57	<i>Hành</i> 6,5	58	75	65	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122210155	PHẠM THỊ THANH HẰNG	26/04/2004	CCQ2221LA	359	<i>Hàng</i> 60	<i>Hàng</i> 4,0	50	67	57	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122210158	LÊ THỊ BÍCH HÂN	13/05/2004	CCQ2221LA	486	<i>Hân</i> 50	<i>Hân</i> 4,2	46	70	56	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122120430	LÊ VĂN HÙNG	21/09/2004	CCQ2212LA	135	<i>Hùng</i> 30	<i>Hùng</i> 4,9	40	61	48	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122120428	NGUYỄN THỊ NGỌC HUỖN	13/07/2004	CCQ2212LA	208	<i>Huyền</i> 61	<i>Huyền</i> 6,1	61	73	66	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122210166	TRẦN HOÀNG KHÔI	27/02/2001	CCQ2221LA	359	<i>Khôi</i> 86	<i>Khôi</i> 9,3	90	73	83	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122120555	BIỆN TRẦN KHÁNH LINH	09/04/2004	CCQ2212LA	486	<i>Khánh</i> 71	<i>Khánh</i> 5,7	64	87	73	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122120556	NGUYỄN NGÔ PHƯƠNG LINH	03/01/2004	CCQ2212LA	208	<i>Lin</i> 92	<i>Lin</i> 9,0	91	92	91	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122210154	BÙI THỊ HẰNG MY	28/04/2003	CCQ2221LA	135	<i>My</i> 27	<i>My</i> 2,8	28	62	41	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122270031	THẠCH THẢO MY	09/09/2004	CCQ2212LA	486	<i>My</i> 53	<i>My</i> 5,5	54	67	59	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122120434	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	15/06/2004	CCQ2212LA	359	<i>Ngoc</i> 69	<i>Ngoc</i> 6,6	68	87	75	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122120543	ĐẶNG THỊ MINH NGUYỆT	28/02/2004	CCQ2212LA	208	<i>Nguyet</i> 71	<i>Nguyet</i> 8,1	76	90	82	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122120436	NGUYỄN THỊ HUỖNH NHƯ	26/05/2004	CCQ2212LA	135	<i>Nhu</i> 76	<i>Nhu</i> 8,5	81	86	83	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122120477	TRẦN QUỲNH NHƯ	08/06/2004	CCQ2212LA	486	<i>Nhu</i> 58	<i>Nhu</i> 5,5	57	78	65	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122120433	LỘC THANH	09/07/2001	CCQ2212LA	359	<i>Thanh</i> 71	<i>Thanh</i> 7,9	75	69	73	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002537

Trang : 2/2

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 03**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **28**

Giờ thi: **07:30** Số bài thi: **28**

Phòng thi: **D5-29** Số tờ giấy thi: **28**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **.....**

Giờ thi: **14:45** Số bài thi: **.....**

Phòng thi: **D7-38** Số tờ giấy thi: **.....**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
<i>Hà Linh</i>	<i>Phạm Hồng Thiên</i>	<i>N.T.Hoàng</i>	<i>N.T.Hoàng</i>	<i>N.T.Hoàng</i>	<i>Ngô Văn</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122120554	TRỊNH VĂN THÀNH	25/03/2004	CCQ2212LA	208	<i>Thành</i> 73	<i>Thành</i> 74	74	76	75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122120437	VŨ THỊ HOÀI THU	06/03/2004	CCQ2212LA	135	<i>Thu</i> 62	<i>Thu</i> 72	67	91	78	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122210157	VŨ THỊ HUỆ THƯ	12/10/2004	CCQ2221LA	486	<i>Thu</i> 67	<i>Thu</i> 32	50	68	57	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122120124	VŨ THỊ HOÀNG TRANG	17/10/2004	CCQ2212LA	359	<i>Thu</i> 64	<i>Thu</i> 57	61	82	69	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122210159	NGUYỄN MINH TUẤN	29/11/2004	CCQ2221LA	359	<i>Tuấn</i> 67	<i>Tuấn</i> 61	64	78	69	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122120431	NGUYỄN THỊ MỸ UYÊN	25/01/2004	CCQ2212LA	486	<i>Uyên</i> 67	<i>Uyên</i> 67	67	79	72	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122120429	TRỊNH PHƯỚC VĨ	29/03/2004	CCQ2212LA	135	<i>Vĩ</i> 60	<i>Vĩ</i> 63	62	75	67	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122120426	NGUYỄN THỊ THÚY VY	04/07/2004	CCQ2212LA	208	<i>Vy</i> 69	<i>Vy</i> 11	25	79	47	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 04**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **23**

Giờ thi: **07:30** Số bài thi: **23**

Phòng thi: **D5-30** Số tờ giấy thi: **23**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **.....**

Giờ thi: **14:45** Số bài thi: **.....**

Phòng thi: **D7-39** Số tờ giấy thi: **.....**

Mã nhận dạng: 002539

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1 <i>Le T. Hai</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Le Thi. My Nhung</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết <i>Pho Thi. Ly</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết <i>Nguyễn Anh. Sang</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp <i>Phan Linh</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp <i>Thi. Th.</i>
--------------------------------------	---	---	--	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122170793	PHAN THANH BÌNH	01/05/2004	CCQ2217LB	208	Bình 8.4	Bình 07	4.6	7.8	5.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122170818	LÊ HỮU CHINH	18/02/2004	CCQ2217LB	359	Chinh 7.3	Chinh 50	6.2	9.0	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122170797	PHAN THÀNH DANH	19/12/2004	CCQ2217LB	416	Danh 6.8	Danh 25	4.7	7.5	5.8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122170790	NGUYỄN DUY	10/07/2003	CCQ2217LB	135	Duy 4.3	Duy 92	6.8	7.0	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122170833	NGUYỄN HOÀNG BẢO DUY	10/09/2004	CCQ2217LB	208	Bao 5.0	Bao 79	6.5	8.1	7.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122170786	NGUYỄN HÀ THÀNH ĐẠT	03/02/2004	CCQ2217LB	359	Dat 8.6	Dat 85	8.6	9.6	9.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122170853	HÀ ĐỨC HÀO	11/01/2002	CCQ2217LB	208	Hao 8.8	Hao 78	8.3	9.2	8.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122170792	PHAN ANH HÀO	26/11/2004	CCQ2217LB	135	Hao 5.6	Hao 40	4.8	8.0	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122170784	PHẠM QUANG HIẾU	17/04/2004	CCQ2217LB	486	Hieu 5.7	Hieu 42	5.0	8.6	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122170795	NGUYỄN CAO KỲ KHÔI	11/05/2004	CCQ2217LB	359	Khoi 5.9	Khoi 48	5.4	7.8	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122170851	CAO TRUNG KIẾN	20/04/2004	CCQ2217LB	486	Kien 5.8	Kien 85	7.2	7.6	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122170785	DƯƠNG HỮU HẢI NAM	10/05/2004	CCQ2217LB	135	Nam 3.8	Nam 02	2.0	6.0	3.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122170796	HUỖNH HỮU NGHĨA	21/04/2004	CCQ2217LB	208	Nghia 8.7	Nghia 50	6.9	8.0	7.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122170817	VÕ THÀNH NHÂN	01/10/2003	CCQ2217LB	359	Nhan 7.1	Nhan 85	7.8	8.7	8.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122170791	TRẦN NGUYỄN PHONG	30/08/2004	CCQ2217LC	486	Phong 6.5	Phong 47	5.6	7.9	6.5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122170834	NGUYỄN HỮU PHÚC	17/05/2004	CCQ2217LC				3.3			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122170798	TRẦN HỮU PHƯỚC	15/12/2004	CCQ2217LC	486	Phuoc 4.4	Phuoc 55	5.0	8.6	6.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122170794	HUỖNH HOÀNG SƠN	02/04/2004	CCQ2217LC	359	Son 6.5	Son 49	5.7	8.2	6.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122170799	NGÔ HỒNG SƠN	14/10/2004	CCQ2217LC	208	Son 4.7	Son 65	5.6	7.2	6.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122170816	VÕ QUANG THẮNG	19/04/2004	CCQ2217LC	135	Thang 6.7	Thang 72	7.0	7.6	7.2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 22/12/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 04**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **23**

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt:

Giờ thi: **07:30**

Số bài thi: **25**

Giờ thi: **14:45**

Số bài thi:

Phòng thi: **D5-30**

Số tờ giấy thi: **23**

Phòng thi: **D7-39**

Số tờ giấy thi:

Mã nhận dạng: 002539

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1 <i>Le Th. Hai</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Le Th. Nghi</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết <i>Phạm Văn</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết <i>Nguyễn Thị Ngọc Hoa</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp <i>Phạm Văn</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp <i>Thao</i>
---------------------------------------	--	--	---	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số từ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122170787	TRẦN LƯƠNG MINH THUẬN	06/01/2004	CCQ2217LC	359	<i>tiến 5.2</i>	<i>tiến 50</i>	5.1	8.3	6.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122170781	TRẦN ANH TIẾN	05/10/2004	CCQ2217LC	359	<i>tiến 5.2</i>	<i>tiến 50</i>	5.1	8.3	6.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122170130	TRẦN PHẠM HÀN	27/06/2004	CCQ2217LC	486	<i>hàn 6.5</i>	<i>hàn 62</i>	6.4	8.3	7.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122170831	BÙI HỮU VINH	17/02/2004	CCQ2217LC	135	<i>Vinh 8.4</i>	<i>Vinh 84</i>	8.4	9.1	8.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122170852	VÕ TRƯỜNG VŨ	19/02/2004	CCQ2217LC	208	<i>Vũ 8.6</i>	<i>Vũ 51</i>	6.9	7.7	7.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 05**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **26**

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **25**

Giờ thi: **07:30** Số bài thi: **26**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **25**

Phòng thi: **D5-31** Số tờ giấy thi: **26**

Phòng thi: **D5-31** Số tờ giấy thi: **25**

Mã nhận dạng: **002541**

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
<i>Ngọc Hào</i>	<i>Lý N. N. Thảo</i>	<i>Nguyễn Thị Nguyệt</i>	<i>Phạm Thị Ngọc</i>	<i>Nguyễn Thị Hoa</i>	<i>Nguyễn Tuấn</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122170749	NGUYỄN ĐỨC AN	02/08/1998	CCQ2217LA	135	<i>Đức</i> 7.0	<i>An</i> 8.0	75	81	77	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122170727	VŨ THIÊN AN	01/01/2004	CCQ2217LA	208	<i>An</i> 7.2	<i>An</i> 5.2	62	60	61	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2122170758	NGUYỄN TRƯƠNG THÁI BẢO	18/12/1998	CCQ2217LA	208	<i>Bảo</i> 3.8		19	0	11	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122170747	ĐẶNG ANH DŨNG	11/03/2004	CCQ2217LA	359	<i>Anh</i> 2.5	<i>Dũng</i> 8.5	40	63	49	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122170737	ĐẶNG XUÂN DŨNG	16/05/2004	CCQ2217LA	486	<i>Xuân</i> 5.9	<i>Dũng</i> 8.0	70	70	70	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122170736	PHAN HOÀNG DUY	18/05/2004	CCQ2217LA	135	<i>Duy</i> 5.9	<i>Duy</i> 6.7	63	72	67	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122170728	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	29/04/2004	CCQ2217LA	208	<i>Đạt</i> 6.4	<i>Đạt</i> 7.8	71	77	73	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122170746	VŨ THÀNH ĐĂNG	10/07/2004	CCQ2217LA				0			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122170599	NGUYỄN MINH ĐỨC	24/09/2004	CCQ2217LA	208	<i>Đức</i> 8.4	<i>Đức</i> 6.4	74	77	75	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122170740	ĐINH VIỆT HÀ	15/12/2004	CCQ2217LA	359	<i>Việt</i> 7.5	<i>Hà</i> 9.4	85	91	87	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122170754	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	02/11/2004	CCQ2217LA	486	<i>Hiếu</i> 8.7	<i>Hiếu</i> 9.0	89	85	87	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122170739	NGUYỄN VIỆT HOÀI	28/01/2004	CCQ2217LA	135	<i>Hoài</i> 6.5	<i>Hoài</i> 5.2	59	68	63	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122170755	NGUYỄN QUỐC HÙNG	07/09/2004	CCQ2217LA				0			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122170750	PHƯƠNG QUANG HUY	20/04/2004	CCQ2217LA				0			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122170745	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	06/09/2002	CCQ2217LA	359	<i>Khoa</i> 9.2	<i>Khoa</i> 9.2	92	84	89	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122170847	NGUYỄN LÊ ĐĂNG KHOA	18/10/2004	CCQ2217LA				0			☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122170752	NGUYỄN TUẤN KIẾT	10/01/2004	CCQ2217LA	486	<i>Kiệt</i> 4.3	<i>Kiệt</i> 4.2	43	60	50	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122170753	NGUYỄN LÊN	06/04/2004	CCQ2217LA	135	<i>Lên</i> 4.4	<i>Lên</i> 6.7	56	60	58	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122170741	LÊ ĐĂNG LINH	01/05/2001	CCQ2217LA	208	<i>Linh</i> 8.6	<i>Linh</i> 8.4	85	97	90	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122170730	NGUYỄN TẤN LỘC	07/10/2003	CCQ2217LA	359	<i>Lộc</i> 5.4	<i>Lộc</i> 8.0	67	60	64	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 05**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **26**

Giờ thi: **07:30** Số bài thi:

Phòng thi: **D5-31** Số tờ giấy thi:

- Thi Văn đáp:

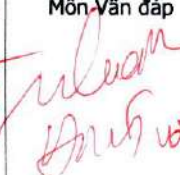
Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **25**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi:

Phòng thi: **D5-31** Số tờ giấy thi:

Mã nhận dạng: **00254**

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1  Ngọc Hào	Cán bộ coi thi 2  Lyn. N. Thảo	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết  Nguyễn Chí Công Hậu	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết  Phạm Thị Lệ	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp  Nguyễn Thị Hương	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp  Đinh Văn
--	---	---	---	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122170845	NGUYỄN HỒ PHÚC	LỢI	02/07/2004	CCQ2217LB	486	Lợi 7.4	Lợi 60	62	77	71		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122170733	NGUYỄN THÀNH	LƯỢNG	23/11/2004	CCQ2217LA	135	Lượng 6.9	Lượng 61	65	72	68		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122170726	VŨ HỮU	NGHĨA	21/04/2004	CCQ2217LA					30			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122170742	TRẦN	NHÂN	05/12/2003	CCQ2217LA	208	Trần 5.5	Trần 32	44	60	50		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122170729	HUỖNH MAI	PHƯƠNG	24/10/2004	CCQ2217LA	359	Phương 7.4	Phương 74	74	76	85		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122170731	NGUYỄN VĂN DUY	THANH	22/08/2004	CCQ2217LC	486	Thanh 5.6	Thanh 58	58	68	61		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122170757	VŨ VĂN	TIẾN	22/08/2004	CCQ2217LC	135	Vũ 4.7	Vũ 74	61	60	61		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122170743	NGUYỄN HỮU	TRÂM	15/02/2004	CCQ2217LC					0			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2122170756	PHẠM HOÀNG MINH	TRÍ	24/10/2003	CCQ2217LC					0			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2122170751	PHAN TRUNG	TRÍ	07/12/2004	CCQ2217LC	208	Trí 8.1	Trí 88	85	82	84		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2122170738	ĐÀO PHƯỚC BẢO	VIỆT	12/08/2004	CCQ2217LC	359	Việt 5.3	Việt 69	61	60	61		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2122170748	LÊ TUẤN	VŨ	08/11/2004	CCQ2217LC	186	Lê 5.7	Lê 78	68	60	65		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2122170153	LƯƠNG TĂNG	VƯƠNG	24/02/2004	CCQ2217LC	135	Lương 6.8	Lương 68	68	63	66		0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 09**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **23**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **23**

Phòng thi: **D5-29** Số tờ giấy thi: **23**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **23**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **23**

Phòng thi: **D7-40** Số tờ giấy thi: **23**

Mã nhận dạng: **002549**

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
<i>Thư</i>	<i>gmgz</i>	<i>Nguyễn T.P. Linh</i>	<i>Nguyễn T. Văn</i>	<i>Đ.T. Thụ</i>	<i>Nguyễn T. Văn</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122260014	CHÂU VĨNH AN	10/06/2004	CCQ2226A	168	<i>51</i>	<i>78</i>	<i>65</i>	<i>82</i>	<i>72</i>	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122260024	NGUYỄN QUỐC ANH	14/12/2004	CCQ2226A	254	<i>65</i>	<i>81</i>	<i>73</i>	<i>80</i>	<i>76</i>	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2122260039	LÝ NGHIỆP CHUNG	19/06/2004	CCQ2226B	340	<i>33</i>	<i>80</i>	<i>57</i>	<i>69</i>	<i>62</i>	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122260006	NGUYỄN HOÀNG TIẾN ĐẠT	22/10/2004	CCQ2226A	489	<i>66</i>	<i>78</i>	<i>72</i>	<i>90</i>	<i>79</i>	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
5	2122260030	NGÔ LÊ GIANG	13/02/2004	CCQ2226A	168	<i>54</i>	<i>50</i>	<i>52</i>	<i>67</i>	<i>58</i>	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
6	2122260004	NGÔ THỊ TRÀ	25/12/2004	CCQ2226A							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122260015	VÕ THỊ HỒNG HUỆ	23/07/2004	CCQ2226A	489	<i>63</i>	<i>42</i>	<i>53</i>	<i>81</i>	<i>64</i>	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122260027	VÕ THÀNH HƯNG	21/05/2004	CCQ2226A	340	<i>29</i>	<i>64</i>	<i>47</i>	<i>59</i>	<i>52</i>	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122260025	NGÔ QUANG LINH	25/06/2004	CCQ2226A	168	<i>55</i>	<i>69</i>	<i>62</i>	<i>72</i>	<i>66</i>	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122260037	PHAN THỊ NGỌC LOAN	11/04/2004	CCQ2226B	254	<i>62</i>	<i>65</i>	<i>64</i>	<i>76</i>	<i>69</i>	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
11	2122260012	ĐỖ HOÀI NAM	29/03/2003	CCQ2226A	489	<i>53</i>	<i>60</i>	<i>57</i>	<i>70</i>	<i>62</i>	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122170520	LÊ THANH NGHĨA	14/06/2004	CCQ2226A	340	<i>57</i>	<i>80</i>	<i>69</i>	<i>84</i>	<i>75</i>	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122260021	LƯƠNG THỊ MỸ NGUYỄN	16/01/2004	CCQ2226A	254	<i>68</i>	<i>85</i>	<i>77</i>	<i>92</i>	<i>83</i>	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122260032	TRƯƠNG YẾN NHUNG	24/03/2004	CCQ2226A	489	<i>59</i>	<i>68</i>	<i>64</i>	<i>64</i>	<i>64</i>	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122260008	NGUYỄN THỊ KIM OANH	21/03/2004	CCQ2226A	340	<i>88</i>	<i>83</i>	<i>86</i>	<i>89</i>	<i>87</i>	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122260034	PHẠM TRƯỜNG THÀNH	03/03/2004	CCQ2226A	168	<i>67</i>	<i>86</i>	<i>77</i>	<i>59</i>	<i>70</i>	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122260011	HỒ THỊ THANH THẢO	03/03/2004	CCQ2226A	254	<i>58</i>	<i>58</i>	<i>58</i>	<i>88</i>	<i>70</i>	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122260020	LÊ THỊ THU THẢO	03/06/2004	CCQ2226A	340	<i>68</i>	<i>80</i>	<i>74</i>	<i>89</i>	<i>80</i>	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122260036	LÊ THỊ KIM TIỀN	07/09/2004	CCQ2226B	489	<i>47</i>	<i>50</i>	<i>49</i>	<i>56</i>	<i>52</i>	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122260007	LÊ THỊ QUẾ TRÂM	22/12/2004	CCQ2226A	168	<i>54</i>	<i>52</i>	<i>53</i>	<i>71</i>	<i>60</i>	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002549

Trang : 2/2

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 09**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt:

Giờ thi: **09:45**

Số bài thi:

Giờ thi: **09:45**

Số bài thi:

Phòng thi: **D5-29**

Số tờ giấy thi:

Phòng thi: **D7-40**

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 <i>Thư</i> <i>Hà Thị Thuý</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>gmp2</i> <i>Ng. T. L. Phương</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết <i>Nguyễn T. P. Linh</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết <i>Ng. T. T. Văn</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp <i>P. T. Thu</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp <i>Ng. H. Văn</i>
--	--	---	---	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	D.Thi 60%	D.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122260001	HOÀNG THỊ THU UYÊN	02/11/2003	CCQ2226A	254	<i>2</i> 92	<i>2</i> 93	93	95	94	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122260002	CHU THỊ NGUYỆT VY	02/04/2004	CCQ2226A	340	<i>104</i> 73	<i>04</i> 79	76	83	79	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122260026	HUỖNH THỊ THÚY VY	12/02/2004	CCQ2226A	489	<i>042</i> 53	<i>042</i> 73	63	81	70	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122260016	NGUYỄN THỊ KIM YẾN	07/07/2004	CCQ2226A	168	<i>16</i> 45	<i>16</i> 56	51	79	62	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 09**

Tổ: **002**

- Thi Viết:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **22**

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **24**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **22**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **...**

Phòng thi: **D5-27** Số tờ giấy thi: **2**

Phòng thi: **D7-40** Số tờ giấy thi: **...**

Mã nhận dạng: 002550

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1 <i>[Signature]</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp <i>[Signature]</i>
--	--	---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số từ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122260062	HOÀNG THỊ NGỌC ANH	15/03/2004	CCQ2226B	340	<i>[Handwritten]</i>	<i>[Handwritten]</i>	60	74	66	<i>[Bubbles]</i>	<i>[Bubbles]</i>
2	2122260066	PHẠM NGỌC KIỀU DIỄM	01/06/2004	CCQ2226B	489	<i>[Handwritten]</i>	<i>[Handwritten]</i>	75	82	78	<i>[Bubbles]</i>	<i>[Bubbles]</i>
3	2122260067	MAI HỒNG HẠNH	19/11/2004	CCQ2226B	A	<i>[Handwritten]</i>	<i>[Handwritten]</i>		75		<i>[Bubbles]</i>	<i>[Bubbles]</i>
4	2122260065	TRẦN THỊ KIM HIẾU	19/07/2004	CCQ2226B	489	<i>[Handwritten]</i>	<i>[Handwritten]</i>	39	64	49	<i>[Bubbles]</i>	<i>[Bubbles]</i>
5	2122260256	PHAN ĐỨC HUY	21/12/2003	CCQ2226B	340	<i>[Handwritten]</i>	<i>[Handwritten]</i>	68	70	68	<i>[Bubbles]</i>	<i>[Bubbles]</i>
6	2122260058	NGUYỄN THỊ MỸ HUYỀN	02/04/2004	CCQ2226B	489	<i>[Handwritten]</i>	<i>[Handwritten]</i>	75	72	74	<i>[Bubbles]</i>	<i>[Bubbles]</i>
7	2122260051	VÃNG THỊ HỒNG LAM	13/10/2003	CCQ2226B	168	<i>[Handwritten]</i>	<i>[Handwritten]</i>	77	64	73	<i>[Bubbles]</i>	<i>[Bubbles]</i>
8	2122260038	HỒ NGỌC KIM LIÊN	06/08/2004	CCQ2226B	254	<i>[Handwritten]</i>	<i>[Handwritten]</i>	90	79	82	<i>[Bubbles]</i>	<i>[Bubbles]</i>
9	2122260146	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI	16/09/2004	CCQ2226B	168	<i>[Handwritten]</i>	<i>[Handwritten]</i>	81	66	84	<i>[Bubbles]</i>	<i>[Bubbles]</i>
10	2122260061	VÕ TRÀ MY	26/10/2004	CCQ2226B	254	<i>[Handwritten]</i>	<i>[Handwritten]</i>	42	52	46	<i>[Bubbles]</i>	<i>[Bubbles]</i>
11	2122260048	PHẠM THANH NGÂN	13/01/2004	CCQ2226B	168	<i>[Handwritten]</i>	<i>[Handwritten]</i>	65	65	76	<i>[Bubbles]</i>	<i>[Bubbles]</i>
12	2122260052	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	30/11/2002	CCQ2226B	254	<i>[Handwritten]</i>	<i>[Handwritten]</i>	64	53	72	<i>[Bubbles]</i>	<i>[Bubbles]</i>
13	2122260123	HOÀNG NGUYỄN MINH QUÂN	02/11/2004	CCQ2226A	489	<i>[Handwritten]</i>	<i>[Handwritten]</i>				<i>[Bubbles]</i>	<i>[Bubbles]</i>
14	2122260063	TRƯƠNG THỊ NGỌC QUYÊN	07/09/2004	CCQ2226B	340	<i>[Handwritten]</i>	<i>[Handwritten]</i>	65	63	79	<i>[Bubbles]</i>	<i>[Bubbles]</i>
15	2122260053	NGUYỄN NGỌC THANH THẢO	06/10/2004	CCQ2226B	254	<i>[Handwritten]</i>	<i>[Handwritten]</i>	57	69	90	<i>[Bubbles]</i>	<i>[Bubbles]</i>
16	2122270017	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	18/01/2004	CCQ2226A	168	<i>[Handwritten]</i>	<i>[Handwritten]</i>	82	59	56	<i>[Bubbles]</i>	<i>[Bubbles]</i>
17	2122260040	BÙI THỊ MỸ TIÊM	07/06/2004	CCQ2226B	489	<i>[Handwritten]</i>	<i>[Handwritten]</i>	67	64	75	<i>[Bubbles]</i>	<i>[Bubbles]</i>
18	2122260145	ĐẶNG THỊ HỒNG TIÊN	23/04/2004	CCQ2226B	340	<i>[Handwritten]</i>	<i>[Handwritten]</i>	85	77	87	<i>[Bubbles]</i>	<i>[Bubbles]</i>
19	2122260057	TRẦN THU TRANG	08/09/2004	CCQ2226B							<i>[Bubbles]</i>	<i>[Bubbles]</i>
20	2122260055	ĐOÀN THỊ NGỌC TRÂM	06/11/2004	CCQ2226B	168	<i>[Handwritten]</i>	<i>[Handwritten]</i>	65	66	61	<i>[Bubbles]</i>	<i>[Bubbles]</i>

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 22/12/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 09**

Tổ: **002**

- Thi Viết:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **22**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **22**

Phòng thi: **D5-27** Số tờ giấy thi: **22**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **22**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **22**

Phòng thi: **D7-40** Số tờ giấy thi: **22**

Mã nhận dạng: 002550

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1 <i>Nguyễn Hoàng</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Mai T.T. Thê</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết <i>Nguyễn T.P. Linh</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết <i>Ng. H.T. Văn</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp <i>Đ.T. Thm</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp <i>Ng. H. Văn</i>
---	---	--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122260054	NGUYỄN THỊ CẨM TÚ	07/05/2004	CCQ2226B	254	<i>2u</i> 50	<i>2u</i> 84	72	76	74	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122260059	HÀ HOÀNG KIM TUYỀN	09/08/2004	CCQ2226B	340	<i>3u</i> 38	<i>3u</i> 50	44	75	56	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122260046	PHẠM THỊ TƯỜNG VI	19/06/2004	CCQ2226B	489	<i>4u</i> 50	<i>4u</i> 47	49	83	63	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122260044	VÕ QUỐC VƯƠNG	05/08/2004	CCQ2226B	254	<i>2u</i> 63	<i>2u</i> 50	57	73	63	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 10**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **33**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **3.3**

Phòng thi: **D6-32** Số tờ giấy thi: **3.3**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **34**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **.....**

Phòng thi: **D5-31** Số tờ giấy thi: **.....**

Mã nhận dạng: **002552**

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
<i>Tân Hiệp Nghĩa</i>	<i>Trần Văn Hùng</i>	<i>Nguyễn Văn Hùng</i>	<i>Trần Văn Hùng</i>	<i>Nguyễn Văn Hùng</i>	<i>Trần Văn Hùng</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	D.Thi 60%	D.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122260126	HUỖNH VĂN CHUNG	20/05/2004	CCQ2226C	168	<i>Chung</i>	49	<i>Chung</i>	7.1	60	59	60	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122260105	TRƯƠNG KỲ DƯƠNG	13/07/2004	CCQ2226D	254	<i>Kỳ</i>	35	<i>Kỳ</i>	6.9	52	69	59	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
3	2122260132	ĐÀO TIẾN ANH	02/05/2004	CCQ2226D	340	<i>Anh</i>	64	<i>Anh</i>	6.5	65	64	65	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122260079	LÊ THỊ THU HÀO	12/08/2004	CCQ2226C	489	<i>Hào</i>	53	<i>Hào</i>	7.3	63	88	73	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122260112	HỒ DẠ HÀO	22/05/2004	CCQ2226D	168	<i>Hào</i>	66	<i>Hào</i>	8.3	75	68	72	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122260128	HUỖNH THỊ NGỌC HÂN	06/07/2004	CCQ2226C	254	<i>Hân</i>	67	<i>Hân</i>	7.7	72	75	73	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122260109	NGUYỄN THỊ HÂY	08/06/2004	CCQ2226D	340	<i>Hây</i>	69	<i>Hây</i>	8.5	77	85	80	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122110320	HUỖNH MINH HIẾU	16/02/2004	CCQ2226C	340	<i>Hiếu</i>	69	<i>Hiếu</i>	8.5	77	85	80	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122260108	PHẠM KHÁNH HOÀNG	28/10/2004	CCQ2226D	168	<i>Hoàng</i>	60	<i>Hoàng</i>	5.4	57	73	63	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122260100	NGUYỄN VIỆT HỘI	17/11/2004	CCQ2226D	245	<i>Hội</i>	83	<i>Hội</i>	5.9	71	90	79	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
11	2122260113	NGUYỄN TRUNG KIẾN	12/01/2004	CCQ2226D	340	<i>Kiến</i>	43	<i>Kiến</i>	8.8	66	63	65	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122260073	PHẠM THỊ LƯƠNG	25/07/2004	CCQ2226C	489	<i>Lương</i>	47	<i>Lương</i>	7.0	59	64	61	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122260127	HỒ VĂN LƯƠNG	24/01/2004	CCQ2226C	168	<i>Lương</i>	71	<i>Lương</i>	8.5	78	76	77	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122260074	VÕ ÁI LY	20/08/2004	CCQ2226C									☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122260130	NGÔ THỊ THÙY NGÂN	14/06/2004	CCQ2226D	340	<i>Ngân</i>	72			36	38	37	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122260096	TRẦN THẢO NGÂN	16/09/2003	CCQ2226C	489	<i>Ngân</i>	59	<i>Ngân</i>	8.5	72	83	76	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122260116	NGUYỄN THÁI NGUYỄN	24/06/2003	CCQ2226D									☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122260068	TRƯƠNG THÚY NHÀN	20/05/2004	CCQ2226C	254	<i>Nhàn</i>	66	<i>Nhàn</i>	8.8	77	79	78	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
19	2122260083	VÕ YẾN NY	10/10/2004	CCQ2226C	340	<i>Yến</i>	76	<i>Yến</i>	7.9	78	77	78	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
20	2122260082	NGUYỄN DƯƠNG KIM PHỤNG	07/05/2004	CCQ2226C	489	<i>Phụng</i>	72	<i>Phụng</i>	6.3	68	81	73	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 10**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **33**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **33**

Phòng thi: **D6-32** Số tờ giấy thi: **33**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **.....**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **.....**

Phòng thi: **D5-31** Số tờ giấy thi: **.....**

Mã nhận dạng: **002552**

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
<i>Tân Hiệp Nghĩa</i>	<i>Đ. T. Hoàng</i>	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	<i>Trần Thị Thảo</i>	<i>Nguyễn T. T. Hoa</i>	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122260091	KHỔNG HỮU PHƯỚC	02/01/2004	CCQ2226C	340	Phuoc	59	7.1	65	67	66	
22	2122260076	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	02/03/2004	CCQ2226C	168	Minh	59	7.1	65	67	66	
23	2122260147	TRẦN NGỌC PHƯƠNG	22/12/2004	CCQ2226C	340	Tran	37	4.8	43	78	57	
24	2122170277	NGUYỄN MINH QUÂN	05/11/2003	CCQ2226D	489	Minh	43	4.2	43	79	57	
25	2122260102	LÊ THỊ LÊ QUYÊN	01/09/2004	CCQ2226D	168	Le	56	2.7	42	63	50	
26	2122260136	MAI THỊ THẢO QUYÊN	24/08/2003	CCQ2226D	25A	Thao	65	8.1	73	64	69	
27	2122260084	BÙI THIÊN TRƯỜNG TÀI	27/05/2004	CCQ2226C	340	Tai	61	4.5	53	70	60	
28	2122260070	CAO LƯƠNG TÂM	06/09/2004	CCQ2226C								
29	2122260149	TRỊNH MINH TÂM	09/08/2004	CCQ2226D	168	Trinh	55	8.4	70	76	72	
30	2122260131	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	01/04/2004	CCQ2226D								
31	2122260099	NGUYỄN MINH THƠ	11/06/2002	CCQ2226C	340	Tho	78	9.1	85	85	85	
32	2122260098	SÂM THỊ THÚY	03/10/2004	CCQ2226C	489	Thuy	31	5.3	42	71	54	
33	2122270093	ĐẶNG THỊ HOÀI THƯƠNG	28/05/2004	CCQ2226D	168	Hoai	56	7.3	65	76	69	
34	2122260089	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	22/06/2003	CCQ2226C								
35	2122260119	THÓI VĂN THƯƠNG	24/09/2004	CCQ2226D	340	Tho	48					
36	2122260072	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	08/03/2004	CCQ2226C	489	Thanh	48	5.3	51	73	60	
37	2122260087	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	29/01/2004	CCQ2226C	168	Anh	65	6.1	63	50	58	
38	2122260133	NGUYỄN KHÁNH VĂN	11/06/2003	CCQ2226D	25A	Ng	94	9.1	93	86	90	
39	2122260103	LÊ THỊ HỒNG VÂN	17/03/2004	CCQ2226D	340	Van	58	3.4	46	72	56	
40	2122260114	TÔ THỊ NGỌC VIÊN	08/11/2004	CCQ2226D	489	Vien	46	2.1	34	61	45	

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 11**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **36**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **3.6**

Phòng thi: **D6-33** Số tờ giấy thi: **3.6**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **36**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **.....**

Phòng thi: **HT1** Số tờ giấy thi: **.....**

Mã nhận dạng: 002554

Trang : 1/3

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
<i>Handwritten signature</i>	<i>Handwritten signature</i>	<i>Handwritten signature</i>	<i>Handwritten signature</i>	<i>Handwritten signature</i>	<i>Handwritten signature</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122270045	TRINH THỊ KIM	ÁNH	20/07/2004	CCQ2227B	254 Anh 33	Anh 28	31	26	29	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122270061	TẶNG THỊ KIM	CHÂU	10/07/2002	CCQ2227B	340 Chai 57	Chai 49	53	7.1	60	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122270014	BÙI THỊ KIM	CÚC	23/05/2002	CCQ2227A					0.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122270011	BÙI HOÀNG	DUNG	14/12/2004	CCQ2227A	168 Dung 74	Dung 82	78	6.7	74	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122270050	TRẦN THỊ	ĐẠM	30/12/2004	CCQ2227B	254 Trần 69	Trần 80	75	9.0	81	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122270018	PHẠM VIỆT	ĐẠT	19/09/2004	CCQ2227A					0.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122270065	NGUYỄN HÀ MINH	ĐỨC	22/05/2004	CCQ2227B	489 Hà 50	Hà 43	47	6.2	53	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122270056	TRẦN THỊ HƯƠNG	GIANG	30/10/2004	CCQ2227B	168 Hương 33	Hương 41	37	4.7	41	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122270026	VÕ MAI NGỌC	HẠNH	22/02/2004	CCQ2227A	168 Hạnh 66	Hạnh 31	49	6.2	54	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122200002	NGUYỄN KHÁNH	HIỀN	04/03/2003	CCQ2227A	489 Hiền 52	Hiền 23	38	5.7	46	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122270005	PHẠM THỊ MỸ	HUYỀN	21/01/2004	CCQ2227A	340 Mỹ 63	Mỹ 73	68	8.6	75	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122270060	NGUYỄN DUY	KHÁNH	29/11/2002	CCQ2227B	254 Duy 51	Duy 51	51	7.3	60	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122270052	NGUYỄN THỨ	LÊ	12/02/2004	CCQ2227B	168 Thứ 40	Thứ 40	40	8.9	60	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122270132	CHÂU BỘI	LINH	08/05/2004	CCQ2227A	489 Linh 50	Linh 53	52	6.1	56	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122270058	CHÂU THỊ HOÀI	LINH	13/08/2004	CCQ2227B					0.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122270021	HOÀNG THỊ	LỢI	15/08/1998	CCQ2227A					10.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122270141	NGUYỄN TRỌNG	LƯU	08/08/2004	CCQ2227B	254 Trọng 40	Trọng 31	36	5.4	43	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122270029	NGUYỄN GIA	MÃN	05/05/2004	CCQ2227A	340 Gia 38	Gia 26	32	5.9	43	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122270038	NGUYỄN LÊ TRÀ	MY	22/04/2004	CCQ2227B	489 Trà 61	Trà 65	63	9.0	74	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122270057	VÕ THỊ THU	NGA	18/04/2004	CCQ2227B					0.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 22/12/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Mã nhận dạng: 002554

Trang : 2/3

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 11**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **36**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **36**

Phòng thi: **D6-33** Số tờ giấy thi: **36**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **36**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **36**

Phòng thi: **HT1** Số tờ giấy thi: **36**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
<i>Hà Minh Phương</i>	<i>Thị Hương</i>	<i>P. Thu</i>	<i>Thảo</i>	<i>Thị Hương</i>	<i>Thảo</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số từ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi Đ. 60%	Đ.QT Đ. 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122270008	TRẦN TIẾN	NGHĨA	01/06/2001	CCQ2227A	254 <i>nghe</i> 88	<i>nghe</i> 88	88	7.0	8.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122270027	ĐẶNG THANH BẢO	NGỌC	07/10/2004	CCQ2227A	340 <i>ngoc</i> 63	<i>ngoc</i> 77	70	8.8	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122270041	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	26/05/2004	CCQ2227B	483 <i>k</i> 56	<i>k</i> 66	61	9.4	7.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122270010	VĂN THỊ	NGUYỄN	14/06/2004	CCQ2227A	168 <i>nghe</i> 30	<i>nghe</i> 43	37	6.9	5.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122270133	NGUYỄN TUYẾT	NHI	29/10/2004	CCQ2227B	940 <i>ok</i> 72	<i>ok</i> 87	80	9.4	8.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122270016	TRẦN THỊ HỒNG	NHUNG	02/08/2004	CCQ2227A	254 <i>Nhung</i> 53	<i>Nhung</i> 88	71	8.7	7.7	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122270064	NGUYỄN THỊ HUỖNH	NHƯ	19/11/2004	CCQ2227B	168 <i>Nhu</i> 56	<i>Nhu</i> 56	56	8.0	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122270063	LÊ THỊ KIM	OANH	12/07/2003	CCQ2227B	483 <i>Oanh</i> 56	<i>Oanh</i> 44	50	5.9	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2122270025	NGÔ THÀNH	PHI	14/08/2004	CCQ2227A			0.0			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2122270039	NGUYỄN HUỖNH	PHƯƠNG	23/09/2004	CCQ2227B	254 <i>Phu</i> 33	<i>Phu</i> 26	30	5.4	4.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2122270051	MAI THỊ THANH	PHƯƠNG	22/09/2004	CCQ2227B	168 <i>Phu</i> 47	<i>Phu</i> 62	55	9.0	6.9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2122270139	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	30/11/2003	CCQ2227A			0.0			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2122270046	TRƯƠNG THỊ DIỄM	THI	12/04/2004	CCQ2227B	483 <i>Thi</i> 75	<i>Thi</i> 81	78	9.0	8.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2122270001	MANG CÔNG	THIỆN	12/06/2000	CCQ2227A	168 <i>Thien</i> 44	<i>Thien</i> 72	58	7.7	6.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2122270007	PHAN THỊ MINH	THƯ	15/10/2004	CCQ2227A	254 <i>Thi</i> 48	<i>Thi</i> 51	50	7.7	6.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2122270006	HỒ LÊ TRUNG	TÍN	25/09/2004	CCQ2227A	340 <i>Tin</i> 43	<i>Tin</i> 57	50	7.6	6.0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2122270030	ĐỖ NGUYỄN HOA	TÌNH	29/09/2004	CCQ2227A	483 <i>Tinh</i> 51	<i>Tinh</i> 48	50	8.3	6.3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2122270049	THÁI THỊ BẢO	TRÂM	07/12/2004	CCQ2227B	168 <i>Tram</i> 49	<i>Tram</i> 45	47	6.3	5.4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2122270019	TRẦN MINH	TRÍ	19/02/2004	CCQ2227A	254 <i>Tru</i> 37	<i>Tru</i> 30	34	5.1	4.1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	2122270138	VÕ THỊ THUỖ	TRINH	07/10/2004	CCQ2227A	340 <i>Trinh</i> 29	<i>Trinh</i> 43	36	6.2	4.6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 11**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **36**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **36**

Phòng thi: **D6-33** Số tờ giấy thi: **36**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **36**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **36**

Phòng thi: **HT1** Số tờ giấy thi: **36**

Mã nhận dạng: 002554

Trang : 3/3

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
<i>HNK</i> <i>Hà Ninh Phúc</i>	<i>Thao</i> <i>Thao</i>	<i>P</i> <i>Phạm Thị Mỹ</i>	<i>Phạm Thị Mỹ</i>	<i>Phạm Thị Mỹ</i>	<i>Phạm Thị Mỹ</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
41	2122270020	PHẠM THỊ MỘNG TUYÊN	22/01/2004	CCQ2227A	489	<i>Phạm Thị Mỹ</i>	33	<i>Phạm Thị Mỹ</i>	28	31	66	45	V (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9
42	2122270022	PHẠM THỊ THẢO VI	29/04/2024	CCQ2227A	168	<i>Phạm Thị Mỹ</i>	41	<i>Phạm Thị Mỹ</i>	49	45	78	58	V (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9
43	2122270055	BÙI KIM XUYỀN	23/10/2004	CCQ2227B							0.0		V (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9
44	2122270034	LUẬN THỊ MỸ XUYỀN	02/06/2004	CCQ2227B	254	<i>Xuyên</i>	34	<i>Xuyên</i>	57	46	79	59	V (0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9 (10)	(0) 1 (2) 3 (4) 5 (6) 7 (8) 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 12**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **09/01/2022** Số SV có mặt: **25**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **25**

Phòng thi: **D5-26** Số tờ giấy thi: **25**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **11/01/2022** Số SV có mặt: **25**

Giờ thi: **14:45** Số bài thi: **25**

Phòng thi: **A506** Số tờ giấy thi: **25**

Mã nhận dạng: **002556**

Trang : 1/2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122270143	PHẠM KHẢI	ÂN	22/06/2004	CCQ2227C	254	18	38	46	42	45	43	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2122170598	NGUYỄN LÊ	DUY	15/10/2004	CCQ2227D	340	Duy	73	86	80	87	83	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2122270124	ĐÀO THỊ HỒNG	GẤM	13/03/2004	CCQ2227D	489	Gấm	48	83	65	66	65	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2122270111	NGUYỄN QUỐC	HUY	23/11/2004	CCQ2227D					00			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2122270092	BÙI THỊ BÍCH	HUYỀN	12/08/2004	CCQ2227C	489	Bích	51	81	66	60	64	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2122270097	NGUYỄN QUỐC	KHÔI	16/05/2004	CCQ2227C					00			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2122270134	NGUYỄN DƯƠNG	KIỆT	21/11/2004	CCQ2227C	254	Kiệt	44	81	63	87	73	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2122270119	NGUYỄN QUỐC	LƯƠNG	28/04/2004	CCQ2227D	489	Lương	48	66	57	55	56	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2122260140	LÊ QUỲNH	MAI	13/03/2003	CCQ2227C	168	Quỳnh	67	88	78	92	84	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2122270078	NGUYỄN QUỲNH XUÂN	MAI	15/09/2004	CCQ2227C	254	Xuân	41	22	32	77	50	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2122270095	TRẦN VĂN	NGHĨA	28/01/2004	CCQ2227C	340	Văn	57	56	57	78	65	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2122270122	PHAN THỊ	NHÂN	29/11/2004	CCQ2227D	168	Nhân	70	34	52	72	60	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2122260139	NGUYỄN ĐĂNG	NHẬT	03/10/2002	CCQ2227D					00			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2122270158	VÕ THỊ KIỀU	OANH	24/09/2004	CCQ2227D	254	Oanh	48	52	50	51	50	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2122270071	NGUYỄN THỊ THU	PHƯỢNG	05/02/2004	CCQ2227C	340	Thu	47	30	39	65	49	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2122270112	LÊ THỊ TRÚC	QUYÊN	01/09/2004	CCQ2227D					00			V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2122270084	NGUYỄN THỊ MỸ	QUYÊN	29/08/2004	CCQ2227C	489	Mỹ	42	58	50	81	62	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2122270130	HUỲNH THỊ DIỄM	QUỲNH	12/09/2003	CCQ2227D	489	Diễm	79	73	76	80	78	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2122270136	NGUYỄN HOÀNG HƯƠNG	QUỲNH	02/03/2004	CCQ2227D	489	Hương	28	46	37	50	42	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2122270086	CHÂU VÕ NHẬT	TÂN	13/01/2004	CCQ2227C	254	Tân	95	73	84	93	88	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 22/12/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 12**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **25**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **25**

Phòng thi: **D5-26** Số tờ giấy thi: **25**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **25**

Giờ thi: **14:45** Số bài thi: **.....**

Phòng thi: **A506** Số tờ giấy thi: **.....**

Mã nhận dạng: **002556**

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1 <i>[Signature]</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp <i>[Signature]</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp <i>[Signature]</i>
--	--	---	---	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122270080	NGUYỄN THANH THÁI	13/07/2002	CCQ2227C	168	<i>[Signature]</i>	53	<i>[Signature]</i>	7.7	65	76	69	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2122270101	ĐỒNG THỊ CẨM TIẾN	02/05/2004	CCQ2227D	340	<i>[Signature]</i>	52	<i>[Signature]</i>	6.2	57	85	68	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2122270096	NGUYỄN TRUNG TRỰC	05/06/2002	CCQ2227C	168	<i>[Signature]</i>	87	<i>[Signature]</i>	8.9	88	97	92	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2122270117	LÊ THỊ CẨM TÚ	18/01/2004	CCQ2227D	254	<i>[Signature]</i>	39	<i>[Signature]</i>	5.9	49	87	64	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2122270069	NGUYỄN HUỲNH KIM TUYẾN	31/05/2003	CCQ2227C	340	<i>[Signature]</i>	76	<i>[Signature]</i>	8.4	80	92	85	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	2122270072	NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT	12/05/2004	CCQ2227C	168	<i>[Signature]</i>	62	<i>[Signature]</i>	5.5	59	93	73	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	2122270137	TÔ PHƯƠNG UYÊN	24/09/2004	CCQ2227D	168	<i>[Signature]</i>	87	<i>[Signature]</i>	8.6	87	92	89	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	2122270120	NGUYỄN THỊ THU VÂN	19/09/2004	CCQ2227D	254	<i>[Signature]</i>	88	<i>[Signature]</i>	8.1	85	95	89	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
29	2122270090	LÊ TUẤN VŨ	20/05/2004	CCQ2227C	340	<i>[Signature]</i>	80	<i>[Signature]</i>	8.4	82	88	84	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 13**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **27**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **27**

Phòng thi: **D5-28** Số tờ giấy thi: **27**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **.....**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **.....**

Phòng thi: **HT2** Số tờ giấy thi: **.....**

Mã nhận dạng: **002558**

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1 <i>Đ. Ngọc Hào</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>N.T.T. Thanh</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết <i>N.T.T. Thanh</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết <i>Đ. Thanh</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp <i>H.T. Ngọc</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp <i>T.T. Hùng</i>
--	---	--	--	--	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122260152	ĐẶNG HOÀNG PHƯƠNG ANH	12/02/2004	CCQ2226E	340	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 88	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 85	87	91	89	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☒ 10
2	2122200241	HỒ ĐẶNG VÂN ANH	10/01/2004	CCQ2220G	489	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 87	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 71	79	90	83	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
3	2122260107	VŨ NGUYỄN PHƯƠNG ANH	12/11/2002	CCQ2226E	168	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 88	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 86	87	75	82	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
4	2122270159	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	26/08/2003	CCQ2227E							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
5	2122260129	LÊ THỊ BÍCH DUYÊN	08/11/2004	CCQ2226E							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
6	2122270148	VÕ THÀNH ĐẠI	24/05/2004	CCQ2227E	254	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 86	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 83	85	93	88	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
7	2122260042	CHÂU HUỲNH GIANG	02/02/2004	CCQ2226E	340	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 77	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 71	74	82	77	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
8	2122260153	HỒ THỊ GIA HÂN	08/02/2004	CCQ2226E	489	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 63	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 86	75	88	80	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
9	2122200224	LÊ GIA HÂN	07/09/2004	CCQ2220G	340	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 72	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 77	75	67	72	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
10	2122200230	PHAN NHƯ HỘI	11/12/2004	CCQ2220G	168	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 78	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 84	81	89	84	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
11	2122200226	NGUYỄN THỊ CẨM HỒNG	18/10/2004	CCQ2220G	340	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 88	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 81	85	89	87	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
12	2122120552	PHẠM NHƯ QUỲNH MAI	18/08/2000	CCQ2220G	489	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 88	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 83	86	86	86	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
13	2122200229	PHAN THỊ PHƯƠNG NGÂN	15/12/2004	CCQ2220G	168	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 84	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 81	83	75	84	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
14	2122260151	ĐỖ NGUYỄN XUÂN NGHI	20/12/2004	CCQ2226E	489	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 72	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 85	79	85	81	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
15	2122270157	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	02/04/2004	CCQ2227E	168	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 81	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 73	77	89	82	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
16	2122200237	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	24/04/2004	CCQ2220G	254	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 56	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 82	69	71	70	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
17	2122200232	PHAN THỊ THÚY NHƯ	14/05/2004	CCQ2220G	340	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 81	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 73	77	80	78	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
18	2122260154	ĐOÀN NGỌC PHÁT	10/10/2001	CCQ2226E							☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
19	2122200195	VŨ THỊ PHƯƠNG	18/02/2004	CCQ2220G	489	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 78	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 79	79	82	80	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10
20	2122270153	CHÂU THỊ MỸ QUYỀN	14/06/2004	CCQ2227E	168	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 74	<i>Đ. Ngọc Hào</i> 78	76	92	82	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 13**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **27**

Ngày thi: **11/01/2023** Số SV có mặt: **.....**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **27**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **.....**

Phòng thi: **D5-28** Số tờ giấy thi: **27**

Phòng thi: **HT2** Số tờ giấy thi: **.....**

Mã nhận dạng: **002558**

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp
Đỗ Ngọc Hào	Nguyễn T.T. Thanh	Nguyễn T. Thanh	Nguyễn T. Thanh	Nguyễn T. Thanh	Nguyễn T. Thanh

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số từ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122270163	TỬ THỊ DUY TÂM	25/10/2004	CCQ2227E	254	52	38	45	60	51	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122200231	NGUYỄN VĂN THẦN	19/04/2004	CCQ2220G							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122270149	ĐẶNG PHÚ THỊNH	01/10/2004	CCQ2227E	489	80	83	82	86	84	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2122200236	VÕ THỊ YẾN	06/01/2004	CCQ2220G	340	89	85	87	88	87	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2122200065	LÊ ĐÀO XUÂN	12/02/2002	CCQ2220G	340	79	60	70	80	74	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2122170596	NGUYỄN QUỐC TÍN	01/11/2004	CCQ2227E	254	41	34	38	70	51	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2122260257	HỒ THỊ THU TRANG	06/03/2004	CCQ2226E	489	67	39	53	71	60	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2122270150	HỒ LƯƠNG HUYỀN	22/08/2004	CCQ2227E	168	72	84	78	77	78	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2122270156	LÊ NGỌC QUẾ	06/07/2004	CCQ2227E	489	65	79	72	87	78	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2122120529	NGUYỄN THỊ NGỌC TRINH	30/09/2004	CCQ2227E							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2122200227	ĐOÀN THỊ MỸ	14/06/2004	CCQ2220G	168	70	76	73	79	75	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2122200228	NGUYỄN ÁI	14/06/2004	CCQ2220G	254	94	88	91	89	90	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 14**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **20**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **20**

Phòng thi: **D5-30** Số tờ giấy thi: **20**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **20**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **20**

Phòng thi: **D6-36** Số tờ giấy thi: **20**

Mã nhận dạng: **002560**

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1 <i>Trần Thị Ngọc Liên</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Nguyễn Thị Ngọc Liên</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết <i>Nguyễn Thị Ngọc Liên</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết <i>Nguyễn Thị Ngọc Liên</i>	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp <i>Nguyễn Thị Ngọc Liên</i>	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp <i>Nguyễn Thị Ngọc Liên</i>
---	---	--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122170789	PHAN NGUYỄN ĐĂNG DUY	10/01/2004	CCQ2217LB	340	<i>Duy</i> 4.0	<i>Duy</i> 7.7	5.9	4.7	8.4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122170771	NGUYỄN DƯƠNG MINH ĐĂNG	26/08/2004	CCQ2217LB	489	<i>Đ</i> 4.1	<i>Đ</i> 6.1	5.1	4.0	4.7	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
3	2122170808	PHẠM MINH ĐOÀN	26/03/2004	CCQ2217LA	168	<i>Đ</i> 5.3	<i>Đ</i> 8.2	6.8	6.3	6.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122170762	QUÁCH ĐÌNH ĐỘ	26/05/2004	CCQ2217LB	254	<i>Đ</i> 3.4	<i>Đ</i> 4.8	4.1	6.2	4.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
5	2122170772	TRẦN PHI HẢI	29/02/2004	CCQ2217LB	340	<i>H</i> 3.3	<i>H</i> 2.2	2.8	6.0	4.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122120358	LÊ PHÚC GIA	11/07/2004	CCQ2217LB					0		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122170773	TRẦN QUANG HUY	10/10/2004	CCQ2217LB	168	<i>H</i> 6.6	<i>H</i> 6.4	6.5	7.4	6.9	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☒ 9
8	2122170767	BÙI CAO BẢO LÂM	21/07/2004	CCQ2217LB	254	<i>L</i> 3.6	<i>L</i> 1.5	2.6	7.1	4.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122170766	NGUYỄN TRỌNG LỘC	14/03/2004	CCQ2217LB	340	<i>L</i> 7.0	<i>L</i> 7.9	7.5	7.7	7.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122170807	VÕ XUÂN LỘC	27/05/2004	CCQ2217LA	489	<i>L</i> 6.8	<i>L</i> 8.5	7.7	8.6	8.1	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122170806	ĐỖ HOÀNG HỮU NGHĨA	03/03/2004	CCQ2217LA					0		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122170761	NGUYỄN TRẦN ĐỨC NHẬT	28/12/2004	CCQ2217LB	489	<i>N</i> 4.9	<i>N</i> 6.5	5.7	8.4	6.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
13	2122170809	NGUYỄN THANH PHONG	20/10/2004	CCQ2217LA	340	<i>P</i> 3.8	<i>P</i> 6.1	5.0	4.1	4.6	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122170769	TRẦN MẠNH VŨ PHONG	06/11/2004	CCQ2217LC	254	<i>P</i> 4.2	<i>P</i> 6.1	5.2	8.0	6.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122170760	LÊ VĂN ANH QUÂN	22/11/2004	CCQ2217LC	168	<i>Q</i> 2.6	<i>Q</i> 6.1	4.4	4.0	4.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122170782	NGUYỄN QUÝ TÀI	15/09/2004	CCQ2217LC	254	<i>T</i> 4.5	<i>T</i> 2.2	3.4	7.3	5.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122170770	ĐẶNG MINH THẮNG	20/01/2004	CCQ2217LC	340	<i>T</i> 5.1	<i>T</i> 6.0	5.6	7.4	6.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122170764	PHAN ĐỖ NHẬT THI	08/11/2004	CCQ2217LC					0		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122170759	TRẦN QUỐC TOÀN	01/04/2004	CCQ2217LC					0.2		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122170768	NGUYỄN HOÀNG MINH TRÍ	16/06/2004	CCQ2217LC	254	<i>T</i> 4.0	<i>T</i> 6.8	5.4	5.2	5.3	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 22/12/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Mã nhận dạng: 002560

Trang : 2/2

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 14**

Tổ: **001**

- Thi Viết:

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **20**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi:

Giờ thi: **12:30** Số bài thi:

Phòng thi: **D5-30** Số tờ giấy thi:

Phòng thi: **D6-36** Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122170810	LÊ THANH TRỌNG	10/10/2004	CCQ2217LC	254	4.4	Trong	5.0	4.7	7.2	5.7	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2122170774	CHU VĂN TUẤN	03/03/2004	CCQ2217LC	168	5.9	Tuấn	3.7	4.8	7.5	5.9	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2122170763	NGUYỄN QUANG VINH	08/01/2004	CCQ2217LC	489	7.1	Vinh	8.4	7.8	9.0	8.3	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2122170765	NGUYỄN QUANG VINH	02/01/2004	CCQ2217LC	340	6.1	Vinh	3.3	4.7	8.0	6.0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 14**

Tổ: **002**

- Thi Viết:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **15**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **15**

Phòng thi: **D5-31** Số tờ giấy thi: **15**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **14**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **14**

Phòng thi: **D6-36** Số tờ giấy thi: **14**

Mã nhận dạng: **002561**

Trang : 1/2

Cán bộ coi thi 1 <i>hmm</i> Tô Thị Mỹ Hồng	Cán bộ coi thi 2 <i>nh</i> Tặng T. Vinh	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết <i>nh</i> Nguyễn Văn	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết <i>nh</i> Nguyễn P. Linh	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp <i>Modan</i> N.N. Châu	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp <i>nh</i> Nguyễn T. H.
--	---	--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2122170840	NGUYỄN THANH CHUÔNG	31/01/2004	CCQ2217LB	340	<i>Th</i> 9.0	<i>Th</i> 8.4	8.7	8.5	8.6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
2	2122170811	HỒ KHẮC DŨNG	10/01/2004	CCQ2217LA	489	<i>Dung</i> 3.9	<i>Dung</i> 7.7	5.8	5.9	5.8	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
3	2122170850	NGUYỄN KHÁNH ĐUY	06/05/2003	CCQ2217LB						0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
4	2122170848	HOÀNG QUỐC ĐẠT	01/02/2003	CCQ2217LA						0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
5	2122170823	PHẠM VĂN ĐẠT	12/11/2004	CCQ2217LB	168	<i>Đạt</i> 2.3	<i>Đạt</i> 0	1.2	3.9	2.3	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☒ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
6	2122170835	PHẠM HỒNG NAM	01/10/2003	CCQ2217LA	168	<i>Nam</i> 2.1	<i>Nam</i> 2.6	2.4	0	1.4	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
7	2122170836	HOÀNG MINH HÀ	16/01/2004	CCQ2217LA	390	<i>Hà</i> 4.0	<i>Hà</i> 0	2.0	3.4	2.6	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
8	2122170821	NGUYỄN MINH HOÀNG	04/01/2004	CCQ2217LB	254	<i>Hoàng</i> 5.8	<i>Hoàng</i> 7.3	6.6	7.7	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
9	2122170849	NGUYỄN CÔNG HUY	12/01/2004	CCQ2217LB	288	<i>Huy</i> 7.3	<i>Huy</i> 7.4	7.4	6.3	7.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☒ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
10	2122170839	VŨ QUANG HUY	26/11/2004	CCQ2217LB	489	<i>Huy</i> 7.4	<i>Huy</i> 4.6	6.0	4.1	5.2	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
11	2122170822	ĐỖ PHÚC KHANG	25/06/2004	CCQ2217LB	340	<i>Phúc</i> 5.2	<i>Phúc</i> 0	2.6	6.0	4.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
12	2122170815	VÕ VĂN KHÁNH	14/05/2003	CCQ2217LA	254	<i>Khánh</i> 3.8	<i>Khánh</i> 2.9	3.4	6.2	4.5	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
13	2122170832	DƯƠNG MINH KHÉN	08/01/2002	CCQ2217LA	489	<i>Khén</i> 4.9	<i>Khén</i> 7.3	6.1	6.9	6.4	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
14	2122170854	NGUYỄN ANH KHOA	21/11/2004	CCQ2217LA					0.4		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
15	2122170813	NGUYỄN TUẤN KIẾT	21/11/2004	CCQ2217LA					0		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
16	2122170820	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG LỊCH	23/07/2004	CCQ2217LB					0		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
17	2122170830	NGUYỄN TRUNG NAM	27/05/2002	CCQ2217LA	254	<i>Nam</i> 2.3		0	2.9	1.2	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☒ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
18	2122170812	NGUYỄN VĂN NAM	15/08/2004	CCQ2217LA					0		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
19	2122170843	DƯƠNG LÊ PHONG	20/01/2004	CCQ2217LB	340	<i>Phong</i> 2.4	<i>Phong</i> 6.0	4.2	3.6	4.0	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
20	2122170814	BÙI ĐỨC TRỌNG	04/12/2004	CCQ2217LC					0		☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 22/12/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **Tiếng Anh 1 (224601) - Nhóm 14**

Tổ: **002**

- Thi Viết:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **15**

Giờ thi: **09:45** Số bài thi: **15**

Phòng thi: **D5-31** Số tờ giấy thi: **15**

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: **09/01/2023** Số SV có mặt: **14**

Giờ thi: **12:30** Số bài thi: **14**

Phòng thi: **D6-36** Số tờ giấy thi: **14**

Mã nhận dạng: **002561**

Trang : 2/2

Cán bộ coi thi 1 <i>[Signature]</i> Trần Mỹ Hằng	Cán bộ coi thi 2 <i>[Signature]</i> Trần Thị Xuân	G.Viên chấm thi 1 Môn Viết <i>[Signature]</i> NH Phan	G.Viên chấm thi 2 Môn Viết <i>[Signature]</i> Ng TP Linh	G.Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp <i>[Signature]</i> NN Châu	G.Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp <i>[Signature]</i> DT T T H
--	---	--	---	---	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	Số từ Mã đề	Viết (50%) Chữ ký	Điểm	V.đáp (50%) Chữ ký	Điểm	Đ.Thi 60%	Đ.QT 40%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2122170841	LÊ THANH TRỌNG	28/10/2004	CCQ2217LC	168	Trọng	7.8	Trọng	7.9	7.9	8.8	8.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2122170824	NGUYỄN THANH TÚ	01/04/2004	CCQ2217LC						0			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2122170842	NGUYỄN ANH TUẤN	26/04/2004	CCQ2217LC	489	Tuấn	8.0	Tuấn	7.2	7.6	8.4	7.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9